

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



**TỰ TIN
VƯỢT QUA THÁCH THỨC**



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị:
Tổng Giám đốc:
GP Thành Lập & Hoạt Động:

Ông Hà Quang Vũ
Ông Khổng Phan Đức
Số 107/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
cấp ngày 01/07/2009, Giấy phép điều chỉnh số 37/
GPĐC-UBCK ngày 21/08/2015 và Giấy phép điều
chỉnh số 44/GPĐC-UBCK ngày 13/09/2017.
Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
(024) 6278 0012 Fax: (024) 3974 1760
<http://www.vietinbanksc.com.vn/>
160 người
976.529.360.000 đồng
976.529.360.000 đồng
97.616.236 (tài ngày 31/12/2017)
36.700 (tài ngày 31/12/2017)
Số Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)
CTS

Trụ sở Chính:
Số Điện Thoại:
Website:
Số Nhân Viên:
Vốn Điều Lệ:
Vốn Đầu Tư Của Chủ Sở Hữu:
Số Lượng cổ phiếu đang lưu hành:
Số lượng cổ phiếu quỹ:
Sàn niêm yết:
Mã cổ phiếu:

NỘI DUNG



02

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ

Thách thức năm 2017	20
Thành tựu năm 2017	21
Chỉ số tài chính nổi bật	22
Kết quả hoạt động kinh doanh theo mảng nghiệp vụ	25
Môi trường kinh doanh và triển vọng	30

05

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu thực hiện báo cáo	72
Định hướng phát triển bền vững	73
Cơ cấu quản trị về phát triển bền vững	74
Cách thức xác định nội dung báo cáo	75
Nội dung báo cáo	76

03

TRẢI NGHIỆM DỊCH VỤ

Tư vấn tài chính doanh nghiệp	42
Bảo lãnh phát hành	44
Dịch vụ chứng khoán	44
Dịch vụ hỗ trợ tài chính	45

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của ban tổng giám đốc	86
Báo cáo kiểm toán độc lập	88
Báo cáo tình hình tài chính	90
Báo cáo kết quả hoạt động	94
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	96
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	99
Thuyết minh báo cáo tài chính	100

04

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Thông tin cổ đông	48
Cơ cấu tổ chức quản trị	49
Hội đồng quản trị	50
Ban kiểm soát	55
Ban tổng giám đốc	58
Báo cáo hội đồng quản trị	64
Báo cáo ban kiểm soát	66
Báo cáo kiểm tra kiểm soát nội bộ	68

THÔNGIỆP CỦA LÃNH ĐẠO

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	07
Thông điệp của Tổng Giám Đốc	08

01

GIỚI THIỆU VIETINBANK SECURITIES

Tổng quan về VietinBank Security	14
Quá trình hình thành và phát triển	16



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý vị cổ đông, Quý khách hàng & Đối tác,

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý vị đã đặt trọn niềm tin và đồng hành với Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (VietinBank Securities) trong suốt thời gian qua.

Năm 2017 là năm đầy biến động của nền kinh tế thế giới và thị trường chứng khoán (TTCK) thế giới. Chỉ số chứng khoán của các thị trường đặc biệt là thị trường chứng khoán Mỹ liên tục lập đỉnh, sức nóng cũng lan tỏa tới thị trường chứng khoán Việt Nam khi nền kinh tế phát đi những tín hiệu lạc quan và thu hút mạnh dòng vốn đầu tư của khối ngoại. Trước những thuận lợi và khó khăn từ thị trường, Hội đồng quản trị Công ty đã có những chỉ đạo kịp thời, VietinBank Securities vẫn tiếp tục tăng trưởng và có một năm tài chính tích cực. Trong năm 2017, Tổng doanh thu thuần và Lợi nhuận trước thuế của VietinBank Securities lần lượt đạt 28% tỷ đồng và 133,6 tỷ đồng, tăng 22,5% và 30,7% so với kết quả đạt được năm 2016, tương ứng vượt 6,4% doanh thu và 1,3% lợi nhuận trước thuế kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

Trong năm 2017, VietinBank Securities đã đạt được những thành tựu đáng chú ý trong việc xây dựng và định vị thương hiệu như các giải thưởng lớn: "Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu năm 2017 do HNX bình chọn"; Thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2017; Giấy khen của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Đã đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh 2017; Trở thành đối tác thân thiết của các khách hàng lớn. Tổng công ty 36 – BQP; Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, Tổng Công ty Bia rượu nước giải khát Sài Gòn (Sabeco),

tập đoàn Vingroup, Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam, Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn (Saigontourist), Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội – CTCP (Hancorp), Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ...

Với tầm nhìn tiên phong trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư, VietinBank Securities đặt mục tiêu đến năm 2020 trở thành công ty chứng khoán dẫn đầu thị trường về doanh thu mảng Ngân hàng đầu tư (IB), trở thành lựa chọn tốt nhất cho các doanh nghiệp.

Năm 2018, bên cạnh việc phát huy những thế mạnh hiện có, chúng tôi sẽ tiếp tục đẩy mạnh mảng tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp và tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, nhằm giúp doanh nghiệp tiếp cận với nguồn vốn hiệu quả, đồng thời hỗ trợ Nhà đầu tư (NDT) có thêm các cơ hội đầu tư tốt.

Hội đồng quản trị VietinBank Securities xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của Quý Cổ đông, Quý khách hàng và đối tác dành cho chúng tôi trong suốt thời gian qua. Chúng tôi tin rằng với uy tín đã được cam kết cùng những nỗ lực không ngừng đổi mới, hoàn thiện, chúng tôi sẽ cùng Quý vị tạo lập những cơ hội thành công mới trong tương lai.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ho Quang Vu



hàng đặc biệt là khách hàng tổ chức trên cơ sở Core mới chính thức được vận hành. Bên cạnh đó, hoạt động tư vấn phân tích sẽ tiếp tục được đầu tư cả về chất và lượng để đưa ra các sản phẩm khuyến nghị chất lượng hơn nữa.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Năm 2018, bên cạnh việc phát huy những thế mạnh hiện có, VietinBank Securities sẽ đẩy mạnh hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu và tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp. Qua đó, Công ty giúp doanh nghiệp tiếp cận với nguồn vốn hiệu quả, đồng thời hỗ trợ nhà đầu tư có thêm nhiều cơ hội đầu tư tốt. VietinBank Securities cũng có chiến lược mở rộng thị phần Môi giới chứng khoán thông qua việc khai thác mạnh hơn nữa mạng lưới khách hàng tổ chức.

Bên cạnh đó, VietinBank Securities cũng sẽ tăng cường công tác kiểm soát chi phí, đẩy mạnh hoạt động kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro. Đồng thời, Công ty tiếp tục tập trung xây dựng đội ngũ nhân sự có chất lượng cao và gắn kết với công ty, quan tâm nâng cao đời sống cán bộ, nhân viên, chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, thu hút

nhân tài, nắm bắt cơ hội tái cấu trúc trong quản trị doanh nghiệp để kiện toàn bộ máy, thăng tiến đến mục tiêu đã đề ra.

Là một thành viên của VietinBank, VietinBank Securities có cơ hội lớn được hợp tác với các đối tác chiến lược của VietinBank, không chỉ giới hạn ở trong nước mà còn mở rộng hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ sang các nước lân cận. Do đó, bên cạnh việc tiếp tục giữ vững vị thế của mình trong lĩnh vực Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp truyền thống, VietinBank Securities cũng định hướng vai trò cung cấp dịch vụ tư vấn M&A giữa các doanh nghiệp Việt Nam và các đối tác nước ngoài, hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập với thị trường quốc tế. Qua đó, cũng góp phần nâng cao vị thế hình ảnh của VietinBank Securities nói riêng và VietinBank nói chung trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế.

Thay mặt Ban điều hành Công ty, tôi xin trân trọng bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới các Quý vị cổ đông, các đối tác và khách hàng đã ủng hộ, đồng hành cùng VietinBank Securities, cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên Công ty vì những đóng góp tận tâm, những nỗ lực không ngừng trong suốt chặng

đường hơn 17 năm qua để giúp VietinBank Securities vượt qua khó khăn, thử thách, phát triển bền vững và tạo lập thành công.

Tổng Giám Đốc

Khổng Phan Đức



GIỚI THIỆU VIETINBANK SECURITIES

01. TỔNG QUAN VỀ VIETINBANK SECURITIES
02. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

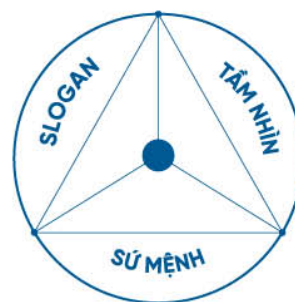
01. TỔNG QUAN VỀ VIETINBANK SECURITIES



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Công ty Chứng khoán Công Thương – VietinBank Securities, Mã CTS, niêm yết sàn HOSE) là một trong những Công ty chứng khoán uy tín và lâu đời nhất tại Việt Nam. Công ty đã khẳng định được vị thế của mình thông qua việc cung cấp cho khách hàng tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân các dịch vụ chứng khoán, dịch vụ tư vấn đầu tư, dịch

vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp chuyên nghiệp và toàn diện. Bên cạnh đó, Công ty cũng được biết đến là một đơn vị kết nối có hiệu quả, tham gia vào các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho doanh nghiệp.

Tạo lập thành công –
Seeding your success



Tiến phong trong lĩnh vực
Ngân hàng đầu tư

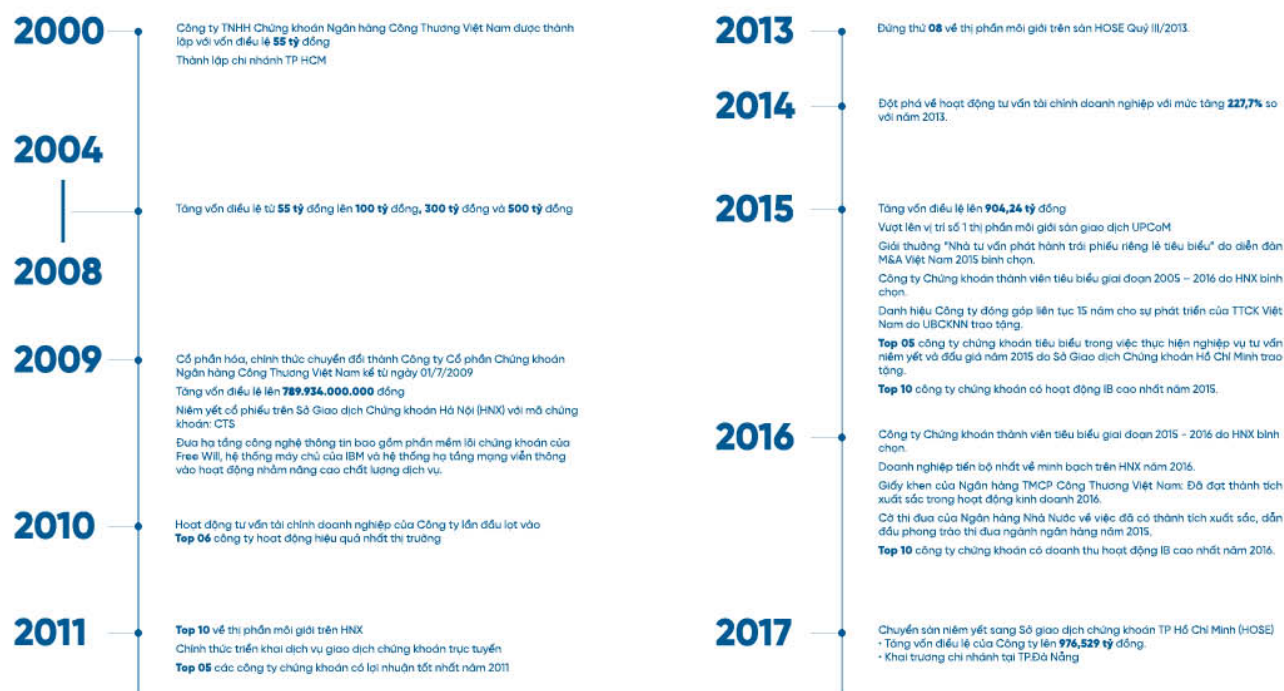
Tạo lập cơ hội thành công cho khách hàng, cổ đông và cán bộ nhân viên, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế – xã hội Việt Nam.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

**SUY NGHĨ TÍCH CỰC/
THÁI ĐỘ TÍCH CỰC/
HÀNH ĐỘNG TÍCH CỰC/**

"VIETINBANK SECURITIES CAM KẾT MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ĐỀU HƯỚNG ĐẾN LỰA CHỌN NHỮNG NHÂN TỐ TỐT NHẤT NHẪM MANG LẠI SỰ THÀNH CÔNG CHO KHÁCH HÀNG, CỔ ĐÔNG VÀ CÁN BỘ NHÂN VIÊN, ĐỒNG THỜI ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI VIỆT NAM."

02. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



**KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ**

01. THÁCH THỨC NĂM 2017
02. THÀNH TỰU NĂM 2017
03. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT
04. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017
05. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO MẢNG NGHIỆP VỤ
06. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ TRIỂN VỌNG

1. THÁCH THỨC NĂM 2017



Thách thức từ thị trường chung:

Thời điểm đầu năm 2017, khi kết thúc Quý I tăng trưởng kinh tế của Việt Nam chỉ đạt 5,1%, có không ít nghi ngại cho rằng kinh tế Việt Nam sẽ khó đạt mục tiêu 6,7%. Nhưng nhờ nỗ lực và chỉ đạo, giao chỉ tiêu tới từng Bộ, ngành, lĩnh vực của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng ngoạn mục vào nửa cuối năm 2017. Năm 2017, khép lại với mức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt 6,81%, vượt mục tiêu 6,7%. Quốc hội giao, làm phát cán đích 3,53%, thấp hơn kế hoạch đưa ra là 4%. Đây cũng là mức tăng trưởng GDP ấn tượng nhất, cao nhất trong 06 năm qua của Việt Nam. Cùng với đó 13 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội Quốc hội giao đều đạt và vượt kế hoạch.

Thách thức từ môi trường cạnh tranh:

Năm 2017 khoảng cách giữa các công ty chứng khoán tiếp tục giãn ra lớn hơn, hầu hết thị phần mới giải trên thị trường tập trung vào 15 công ty chứng khoán hàng đầu. Theo chia sẻ của một lãnh đạo cấp cao của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: Thông lệ quốc tế cũng như thực tiễn hoạt động thị trường không xác định về số lượng chính xác các công ty chứng khoán cần là bao nhiêu. Tuy nhiên, với quy mô của thị trường chứng khoán hiện nay, số lượng công ty chứng khoán là nhiều và cần giảm bớt về số lượng, đặc biệt những công ty yếu kém không đảm bảo an toàn tài chính. Thực tiễn trong quản lý, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã đặt ra yêu cầu khắt khe chỉ tiêu an toàn tài chính, quản trị rủi ro..., nhờ đó hoạt động các công ty chứng khoán

thay đổi rất nhiều về chất, các công ty đã không liều lĩnh đánh đổi rủi ro hoạt động lấy thị phần như giai đoạn trước.

Thách thức từ vấn đề quản trị công ty:

Ngày 27 tháng 04 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Chứng khoán Công thương đã thông qua nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên với chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2017 lần lượt là 271,8 tỷ đồng và 131,8 tỷ đồng. So với mức lợi nhuận trước thuế năm 2016 (102,2 tỷ đồng), chỉ tiêu kế hoạch đặt ra tăng trưởng là 28,96%. Đây là một thử thách rất lớn cho Ban lãnh đạo Công ty, trong bối cảnh thị trường chứng khoán vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức.

2. THÀNH TỰU NĂM 2017

Khẳng định vị thế Tư vấn tài chính doanh nghiệp trên thị trường:

Trong năm 2017, Công ty đang tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ với các Tập đoàn và các Tổng Công ty lớn như: Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Tổng Công ty 36, Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO), Tổng Công ty Y dược Sài Gòn..., trong việc thực hiện các hợp đồng tư vấn truyền thống (bao gồm tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn, đấu giá, tổ chức Đại hội đồng cổ đông, niêm yết, đăng ký giao dịch upcom, phát hành cổ phiếu...). Kết thúc năm 2017, Công ty đã hoàn thành 78 hợp đồng tư vấn, bao gồm 32 hợp đồng tư vấn phát hành và đại lý phát hành trái phiếu cùng 46 hợp đồng tư vấn truyền thống.

Định hướng phong cách đầu tư chứng khoán theo phân tích cơ bản:

VietinBank Securities tiếp tục định hướng đầu tư theo phân tích cơ bản cho cộng đồng các NĐT Việt Nam. Trong năm 2017, VietinBank Securities phối hợp với HSX, HNX, Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức 05 hội thảo, mở hội thảo là một ngành, chủ đề khác nhau. Đặc biệt với sự tham gia của chính các doanh nghiệp đang niêm yết trên 02 Sở Giao dịch chứng khoán, VietinBank Securities tạo cơ hội để Nhà đầu tư có thể tương tác trực tiếp và lãnh đạo doanh nghiệp. Từ đó, Nhà đầu tư hiểu doanh nghiệp hơn, đầu tư và song hành với bước phát triển của doanh nghiệp.

Nâng cao chất lượng, đa dạng các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng:

Tiếp bước những thành công trong năm trước với vai trò là Công ty con trong hệ thống VietinBank, năm 2017 Công ty tiếp tục phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với phòng Thị trường vốn VietinBank, Công ty Quản lý quỹ và các chi nhánh VietinBank trên toàn quốc tìm kiếm, khai thác và cung cấp chuỗi sản phẩm Ngân hàng đầu tư cho khách hàng. Với hoạt động mở giới, bên cạnh việc nâng cao, cải thiện chất lượng dịch vụ, VietinBank Securities tiếp tục nghiên cứu, cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng, cạnh tranh đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đặc biệt là nhóm khách hàng tổ chức.

Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư, hiện đại hóa để cung cấp các sản phẩm linh hoạt cho thị trường:

Hệ thống công nghệ thông tin của VietinBank Securities trong năm 2017 đã có bước tiến lớn khi đã bước đầu đưa vào sử dụng hệ thống Contact Center. Dự kiến trong năm 2018, VietinBank Securities sẽ chính thức đưa vào sử dụng hệ thống Core. Với nền tảng 02 hệ thống được đầu tư hiện đại, VietinBank Securities sẽ cung cấp các gói sản phẩm có tính cạnh tranh cao, đa dạng và phong phú đáp ứng nhu cầu của từng nhóm khách hàng khác nhau, dần đầu tư cung cấp các sản phẩm dịch vụ của TTCK phát sinh dự kiến sẽ được triển khai trong thời gian tới tại thị trường Việt Nam. Đạt được nhiều thành tựu:

- Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu năm 2017 do HNX bình chọn.
- Thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2017.
- Giấy khen của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: Đã đạt thành tích đặc biệt xuất sắc trong hoạt động kinh doanh 2017.

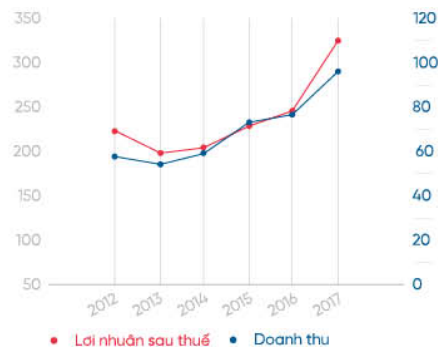
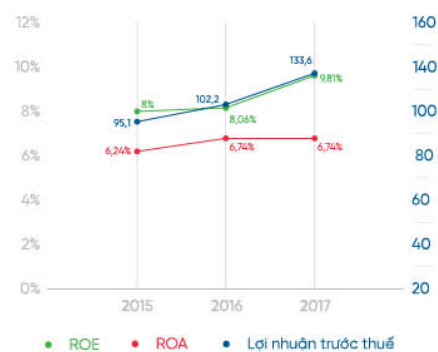


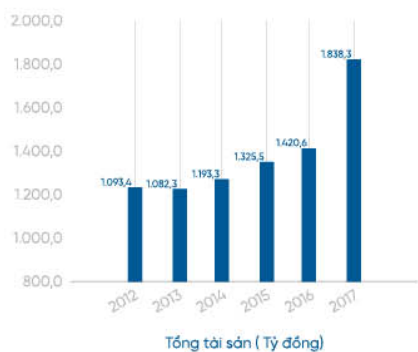
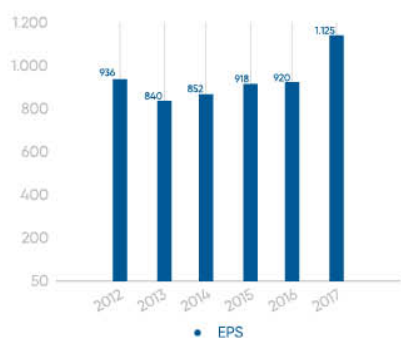
3. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm 2017 so với 2016
Tổng tài sản	1.139.278	1.325.447	1.420.648	1.838.253	29,39%
Doanh thu thuần	177.266	234.629	235.925	288.425	22,25%
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	53.961	40.780	39.858	40.572	1,79%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	58.407	60.557	96.260	126.873	31,80%
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	300	200	100	0	-100%
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	1.910	24.416	13.338	2.214	-83,40%
Doanh thu hoạt động tư vấn	30.095	77.085	24.408	33.343	36,60%
Doanh thu lưu ký chứng khoán	4.782	8.776	22.821	24.156	5,85%
Doanh thu khác	27.811	22.815	39.160	61.267	56,53%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	82.938	95.133	102.129	132.938	30,19%
Lợi nhuận khác	232	(3)	113	679	500,9%
Lợi nhuận trước thuế	83.170	95.130	102.242	133.617	30,69%
Lợi nhuận sau thuế	66.450	76.871	83.181	109.854	32,07%
Thị phần môi giới	1,8%	1,78%	1,61%	1,02%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	7,3%	8%	8,06%	9,81%	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	71,29%	87,10%	86,93%		
Tỷ lệ cổ tức	6,0%	8%	8%		

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (cuối kỳ)				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần 2,25	2,47	3,87	2,64
Hệ số thanh toán nhanh	Lần 2,25	2,47	3,87	2,49
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (cuối kỳ)				
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	Lần 0,19	0,25	0,25	0,36
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần 0,23	0,33	0,33	0,57
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay/ Tổng tài sản bình quân	Vòng 0,16	0,19	0,19	0,18
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	Lần 0,16	0,19	0,19	0,18
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	% 37,49	32,76	35,23	37,99
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	% 5,98	6,24	6,74	6,74
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	% 7,28	8,00	8,06	9,81





4. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Trong năm 2017, tổng tài sản của VietinBank Securities tăng trưởng mạnh, tổng tài sản đầu năm đạt 1.420,6 tỷ đồng (trong đó tài sản ngắn hạn đạt 1.352,6 tỷ đồng, tài sản dài hạn đạt 68,0 tỷ đồng), tổng tài sản cuối năm tăng 29,3% so với đầu năm, đạt 1.838,3 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn đạt 1.734,8 tỷ đồng, tăng 28,3% so với thời điểm đầu năm và tập trung chủ yếu ở các khoản cho vay và tài sản tài chính sẵn sàng để bán; tài sản dài hạn đạt 103,4 tỷ đồng, tăng 52,0% so với thời điểm đầu năm, chủ yếu là do tăng tài sản cố định.

Trong năm 2017, tổng nguồn vốn của VietinBank Securities lại có sự biến động khá lớn, tập trung chủ yếu khoản mục vay ngắn hạn. Do trong năm Công ty

có chủ trương thúc đẩy hoạt động margin và hoạt động đầu tư kinh doanh nên Công ty đã thực hiện vay ngắn hạn ngân hàng thương mại để bổ sung vốn kinh doanh. Kết thúc năm 2017, tổng nợ phải trả của Công ty là 667,4 tỷ đồng tăng hơn 1,9 lần so với thời điểm đầu năm.

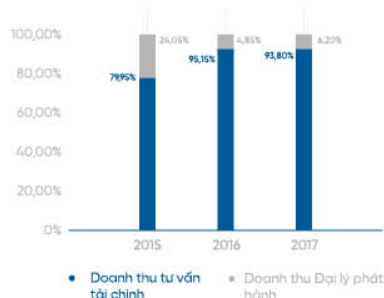
Về kết quả hoạt động kinh doanh, kết thúc năm 2017, doanh thu thuần của VietinBank Securities đạt 288,4 tỷ đồng, tăng 22,3% so với năm 2016, lợi nhuận trước thuế ở mức 133,6 tỷ đồng vượt 1,3% so với kế hoạch và tăng 30,7% so với lợi nhuận thực hiện năm 2016, lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 109,8 tỷ đồng, tăng 32,1% so với năm 2016, đây là mức cao nhất trong vòng 06 năm trở lại đây của VietinBank Securities.

5. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO MẢNG NGHIỆP VỤ

5.1. HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Năm 2017, VietinBank Securities tiếp tục giữ vững vị thế của mình trong mảng dịch vụ tư vấn truyền thống, tư vấn phát hành trái phiếu/thu xếp vốn, trên nền tảng cơ bản đã đạt được từ việc phát triển thương hiệu trong năm 2016, đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A, tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tư vấn tài chính khác mang lại giá trị gia tăng cao như kết nối cơ hội hợp tác đầu tư, nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng. Năm 2017 là một năm không thuận lợi đối với hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp của VietinBank Securities

Khối tư vấn tài chính doanh nghiệp. Doanh thu đại lý phát hành đạt 2,2 tỷ đồng, chiếm 6,2% tổng doanh thu hoạt động của toàn Khối Tư vấn Tài chính doanh nghiệp. Đạt được kết quả kinh doanh khả quan như trên là do Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp của VietinBank Securities đã nỗ lực trong việc duy trì và phát triển quan hệ với các Tập đoàn, Tổng Công ty lớn đồng thời nỗ lực tìm kiếm, triển khai các giao dịch quy mô lớn gắn liền khách hàng có tên tuổi tạo bản đẹp vững chắc cho sự phát triển thương hiệu của VietinBank Securities. Năm 2017, một số thành tựu tiêu



do một số hợp đồng lớn chưa thể triển khai, hoàn thành theo đúng kế hoạch. Tuy nhiên, VietinBank Securities đã bước đầu ghi nhận những kết quả khả quan trong triển khai hoạt động tư vấn M&A có thể kể đến thương vụ với Công ty Cổ phần VIG Đầu tư; Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long,... đóng góp tới 2,83 tỷ đồng trong tổng doanh thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp. Đây là tiền đề cho việc mở rộng hoạt động sang các mảng tư vấn mang lại giá trị gia tăng cho Công ty trong thời gian tới. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp ghi nhận 33,3 tỷ đồng trong năm 2017, tăng 36,6% so với năm 2016, đóng góp tới 93,8% doanh thu của toàn

biểu của Khối tư vấn tài chính doanh nghiệp có thể kể đến như:

- Trong năm 2017, Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp đã thực hiện ký mới 80 hợp đồng, hoàn thành 78 hợp đồng tư vấn bao gồm 32 hợp đồng tư vấn phát hành và đại lý phát hành trái phiếu, cũng 46 hợp đồng tư vấn truyền thống.

- Tư vấn cổ phần hóa và tư vấn chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính cho các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đang có kế hoạch tái cơ cấu như Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn, Tổng Công ty Đường sắt Việt

Nam, Tổng Công ty 36, Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO), Tổng Công ty Văn hóa Sài Gòn,...

- Tư vấn phát hành trái phiếu thành công cho các đối tác lớn như Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long (TASECO), Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn, Công ty Cổ phần Vincom Retail, Công ty TNHH Một trái Phũ Quốc, Công ty TNHH Thương mại Ánh Việt, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Mekong E&C, Công ty Cổ phần VIG Đầu tư, Công ty Cổ phần Việt R.E.M.A.X, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Công trình Kiến Trúc Hà Nội, Công ty Cổ phần Đạt Phương, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam,... Công ty đã tư vấn thu xếp vốn thành công cho nhiều doanh nghiệp lớn và tổng giá trị thu xếp được là gần 13.230 tỷ đồng trái phiếu trong nước và 60 triệu USD trái phiếu quốc tế.

- Tư vấn niêm yết thành công cho nhiều đối tác như Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam Petrolimex, Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái, Công ty Cổ phần Đầu tư Everland, Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây, Công ty Cổ phần Kiên Hùng,....

- Đặc biệt năm 2017 Khối Tư vấn đẩy mạnh triển khai hoạt động tư vấn M&A, bước đầu ghi nhận những kết quả khả quan, có thể kể đến thương vụ với Công ty Cổ phần VIG Đầu tư, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long,...

Kế Hoạch Năm 2018

Tình hình thị trường tư vấn tài chính trong năm 2018 được đánh giá sẽ tiếp tục khó khăn do các nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính đã bước vào giai đoạn bão hòa. Do đó, bên cạnh việc bám sát định hướng xuyên suốt đã đề ra, VietinBank Securities đang từng bước nghiên cứu chiến lược phát triển sản phẩm mới, bắt nhịp với xu thế chung của thị trường. Cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện định hướng khai thác khách hàng lớn là các Tập đoàn, Tổng Công ty đầu ngành và cung cấp dịch vụ tư vấn trọn gói, bao đầu là tư vấn tái cấu trúc, sau đó là tư vấn thu xếp vốn và các dịch vụ gia tăng khác.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc khai thác lợi thế là công ty con của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank), chủ động kết hợp với các chi nhánh của VietinBank và các phòng ban khác trong Công ty. Tận dụng khai thác triệt để cơ sở khách hàng doanh nghiệp lớn, phổ rộng trên nhiều lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân và khách hàng thường có bề dày quan hệ tín dụng với VietinBank. Đồng thời khai thác nhu cầu sử dụng dịch vụ của đối tượng khách hàng tư nhân vừa và nhỏ nhằm cung cấp các sản phẩm tài chính đặc thù đồng thời bước đầu tạo ra các sản phẩm dịch vụ gia tăng mới. Hướng tới phát triển cung ứng chuỗi dịch vụ giá trị gia tăng.

- Năm 2018, bên cạnh việc tiếp tục giữ vững vị thế của mình trong mảng dịch vụ tư vấn truyền thống, tư vấn phát hành trái phiếu/thu xếp vốn, trên nền tảng cơ bản đã đạt được từ việc phát triển thương hiệu trong năm 2017, VietinBank Securities sẽ đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A, tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và các dịch vụ tư vấn tài chính khác mang lại giá trị gia tăng cao như kết nối cơ hội hợp tác đầu tư, nhằm cung cấp giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng.

Đặc biệt, lợi nhuận từ hoạt động môi giới chứng khoán vẫn đảm bảo được sự tăng trưởng do Công ty đẩy mạnh tăng trưởng dư nợ cho vay giao dịch kỳ quỹ. Tổng mức dư nợ cho vay giao dịch kỳ quỹ của VietinBank Securities tại thời điểm cuối năm 2017 đạt gần 659 tỷ đồng tăng mạnh 58,6% so với năm 2016. Lợi nhuận toàn Công ty đạt hơn 59,4 tỷ đồng, tăng 60,97% so với năm 2016.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Tăng trưởng cùng kỳ	
				Năm 2016	Năm 2017
Dư nợ margin	201,3	415,6	659,0	106,5%	58,6%
Lãi margin	15,2	36,9	59,4	143,4%	60,97%

(Đơn vị: Tỷ Đồng)

Kế Hoạch Năm 2018

Năm 2018, hoạt động môi giới chứng khoán của VietinBank Securities sẽ chủ trọng đẩy mạnh giao dịch của khách hàng cá nhân và khách hàng VIP thông qua các gói sản phẩm dịch vụ chất lượng, phù hợp và cạnh tranh cho khách hàng.

Trong năm 2018, hệ thống phần mềm lõi chứng khoán của Công ty sẽ được nâng cấp nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ khách hàng đặc biệt là các khách hàng thông qua mạng lưới các chi nhánh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Đẩy mạnh tăng trưởng dư nợ margin trên cơ sở tiếp cận, đáp ứng nhu cầu khách hàng tổ chức và phân khúc khách hàng ưu tiên. Tiếp nối thành công từ việc cung cấp các gói sản phẩm đặc biệt, hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp niêm yết, năm 2018, VietinBank Securities sẽ tiếp tục tiếp cận, cung cấp dịch vụ cho các khách hàng định chế trong và ngoài nước.

6. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ TRIỂN VỌNG

Theo Báo cáo Môi trường kinh doanh năm 2018 [Doing Business 2018 report], một nghiên cứu theo dõi mức độ thuận lợi kinh doanh của doanh nghiệp vừa và nhỏ trên thế giới của Nhóm Ngân hàng Thế giới vừa công bố, có chủ đề "Môi trường kinh doanh 2018: Cải cách để tạo việc làm", Việt Nam tiếp tục được tăng hạng về môi trường kinh doanh khi xếp hạng 68/190 nền kinh tế được đánh giá, tăng thêm 14 bậc so với năm 2017, với số điểm 67,93 trên thang 100. Môi trường kinh doanh Việt Nam tăng 14 bậc, nhưng 4/10 chỉ số giảm bậc.

Trước đó, với Doing Business 2017 report, Việt Nam đứng vị trí thứ 82/190, với số điểm 63,83 trên thang 100; tăng 9 bậc so với năm 2016.

Đây là mức tăng bậc nhiều nhất trong thập niên qua, cho thấy những nỗ lực của Chính phủ trong việc thực hiện các giải pháp tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn không ít rào cản đối với môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Theo thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, từ đầu năm đến nay, có nước có 105.000 doanh nghiệp mới được thành lập, 97% số doanh nghiệp mới có

doanh thu và nộp thuế, cho thấy môi trường kinh doanh Việt Nam đang có những điều kiện thuận lợi. Tuy nhiên, cùng với Việt Nam, các nước trong khu vực cũng đang cải cách mạnh mẽ về môi trường đầu tư.

Hiện, Việt Nam đứng sau 4 nước trong khu vực ASEAN, gồm Singapore (thứ 2); Malaysia (thứ 24); Thái Lan (thứ 26); Brunei (thứ 56) và đứng trên Indonesia (thứ 72), Philippines (thứ 113). Đáng chú ý là trong năm nay, cùng với Việt Nam, 3 nước gồm Thái Lan, Indonesia và Brunei cũng có sự tăng hạng vượt bậc và thậm chí nhanh hơn Việt Nam.

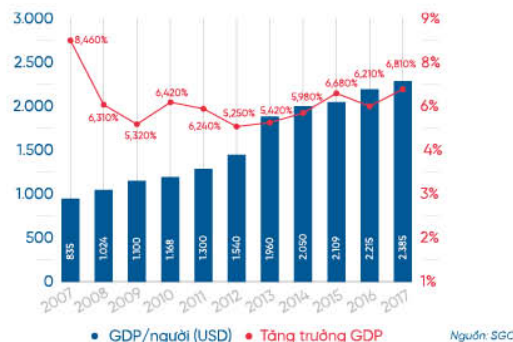
Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) của công bố báo cáo kinh tế - xã hội năm 2017. Theo đó, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý 1 tăng 5,15%; quý 2 tăng 6,28%; quý 3 tăng 7,46%; quý 4 tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.

Số Liệu Xếp Hạng Của Khu Vực Đông Á - Thái Bình Dương

Nền kinh tế	Xếp Hạng (1-190)	Khoảng cách so với điểm số cao nhất (0-100)		Số lượng cải cách thực hiện	
		DB2016	DB2017	DB2017	DB2018
Brunei	56	64,77	70,60	6	8
Compuhia	135	54,24	54,47	1	0
Trung Quốc	76	64,89	65,29	2	2
Fiji	101	60,70	60,74	2	0
Hồng Kông	5	63,15	63,44	2	1
Indonesia	72	64,22	66,47	7	7
Kiribati	157	49,05	48,74	0	0
Lào	161	52,58	53,01	2	0
Malaysia	24	77,47	78,43	2	3
Quần đảo Marshall	149	51,42	51,45	0	0
Liên bang Micronesia	155	48,98	48,99	0	0
Mông Cổ	62	76,78	69,03	1	1
Myanmar	171	43,91	44,21	2	2
Palau	130	55,12	55,58	0	1
Papua Tân Guinea	109	58,87	59,04	2	0
Philippines	113	58,32	58,74	2	2
Samoa	87	61,63	63,89	0	1
Singapore	2	84,53	84,57	3	2
Quần đảo Solomon	116	58,14	58,13	1	0
Đài Loan	15	79,66	80,07	0	2
Thaifan	26	71,76	77,44	3	8
Timor-Leste	178	40,69	40,62	0	0
Tonga	89	62,93	63,43	0	0
Vanuatu	90	63,06	63,08	4	0
Vietnam	68	65,08	67,93	3	5

Nguồn: Doing Business 2018, WB

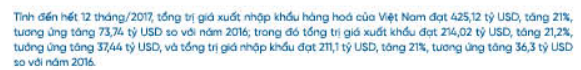
GDP



Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018. Trong đó, đặt mục tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2018 tăng 6,5% - 6,7%.

Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018. Trong đó, đặt mục tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2018 tăng 6,5% - 6,7%.

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU



Trong đó, xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) trong tháng 12 đạt 25,39 tỷ USD, giảm 2,9% so với tháng trước, qua đó đưa kim ngạch xuất nhập khẩu của khối này năm 2017 lên 278,56 tỷ USD, tăng 23,1%, tương ứng tăng 52,25 tỷ USD so với năm trước. Nhập khẩu đạt 11,7 tỷ USD, tăng 0,7%, so với tháng trước, qua đó đưa kim ngạch nhập khẩu của khối này năm 2017 đạt 126,37 tỷ USD, tăng 23,4%, tương ứng tăng 23,94 tỷ USD so với năm trước.

Cán cân thương mại: Trong tháng 12/2017 Việt Nam nhập siêu 233 triệu USD, qua đó đưa cán cân thương mại hàng hóa cả nước năm 2017 thặng dư 2,91 tỷ USD.

Khối doanh nghiệp FDI trong tháng 12/2017 xuất siêu 1,98 tỷ USD, đưa cán cân thương mại của khối này năm 2017 thặng dư đến 25,81 tỷ USD, trong khi khối doanh nghiệp trong nước thâm hụt là 22,9 tỷ USD.

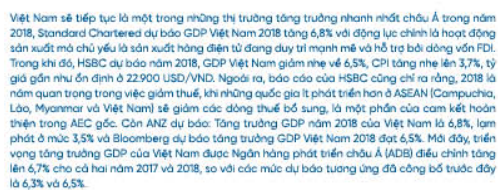
Năm 2017, Việt Nam có trên 200 đối tác thương mại khắp toàn cầu, trong đó có 28 thị trường xuất khẩu và 23 thị trường nhập khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD.

Tổng trị giá trao đổi hàng hóa của Việt Nam với châu Á năm 2017 đạt 294,78 tỷ USD, tăng tới 25,7% so với năm trước và là châu lục chiếm tỷ trọng cao nhất (67%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước.

Tiếp theo là xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước châu Mỹ với kim ngạch gần 68 tỷ USD, tăng 99% so với năm trước.

Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với châu Âu đạt 579 tỷ USD, tăng 12,8%; châu Đại Dương đạt 776 tỷ USD, tăng 24,3% và châu Phi là 6,69 tỷ USD, tăng 24,8%.

Kim ngạch, tỷ trọng và tốc độ tăng giảm xuất khẩu, nhập khẩu theo châu lục và nước/khu vực thị trường chính năm 2017



Việt Nam sẽ tiếp tục là một trong những thị trường tăng trưởng nhanh nhất châu Á trong năm 2018. Standard Chartered dự báo GDP Việt Nam 2018 tăng 6,8% và đứng đầu các nước có hoạt động tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực Đông Nam Á. Dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam 2018 trong khi đó, HSBC dự báo năm 2018, GDP Việt Nam giảm nhẹ về 6,5%, CPI tăng nhẹ 3,7%, tỷ giá đồng VND định ở 22.900 VND/USD. Ngân hàng, dự báo của HSBC cũng chỉ ra rằng, 2018 là năm quan trọng trong việc giảm thuế, khi nhiều quốc gia ở thị trường mới nổi và ASEAN (Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam) sẽ giảm các thuế thuế bỏ thuế, là một phần của cam kết hoàn thiện trong AEC gần. Các ANZ dự báo: Tăng trưởng GDP năm 2018 của Việt Nam là 6,8%, lạm phát ở mức 3,5% và Bloomberg dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam 2018 đạt 6,5%. Mỗi dự báo, tiến bộ tăng trưởng GDP của Việt Nam được Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) dự định chính tăng lên 6,7% cho hai năm 2017 và 2018, so với mức dự báo tương ứng đã công bố trước đây là 6,3% và 6,5%.

Thị trường	Xuất khẩu			Nhập khẩu		
	Kim ngạch (Triệu USD)	Tỷ Trọng (%)	So với năm 2016 (%)	Kim ngạch (Triệu USD)	Tỷ Trọng (%)	So với năm 2016 (%)
Châu Á	111.950	52,3	31,3	172.831	81,9	22,3
ASEAN	21.510	10,1	23,9	28.021	13,3	16,4
Trung Quốc	35.463	16,6	61,5	58.229	27,6	16,4
Nhật Bản	16.841	7,9	14,8	16.592	7,9	10,1
Hàn Quốc	14.823	6,9	30,0	46.734	22,1	45,3
Châu Mỹ	52.332	24,5	10,5	15.644	7,4	7,9
Hoa Kỳ	41.608	19,4	8,2	9.203	4,4	5,8
Châu Âu	43.002	20,1	13,7	16.917	7,1	10,4
EU(28)	38.281	17,9	12,7	12.098	5,7	8,6
Châu Phi	2.670	1,2	-2,1	4.017	1,9	52,5
Châu Đại Dương	4.066	1,9	20,0	3.694	1,8	29,4
Tổng	214.019	100,0	21,2	211.104	100,0	20,8

Trung Quốc tiếp tục là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam trong năm 2017 với tổng kim ngạch thương mại song phương đạt gần 93,7 tỷ USD, tăng 30,2% so với cùng kỳ năm 2017. Hàn Quốc đã vượt qua Hoa Kỳ vươn lên trở thành đối tác thương mại hàng hóa lớn thứ 2 của Việt Nam, chỉ sau thị trường Trung Quốc. Xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Hàn Quốc đạt gần 61,6 tỷ USD tăng 61,3% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là thị trường Hoa Kỳ đạt 50,8 tỷ USD, thị trường ASEAN đạt hơn 49,5 tỷ USD và thị trường EU (28 nước) đạt 45,11 tỷ USD với mức tăng lần lượt là 7,8%; 19,6% và 11,7%. Riêng với thị trường Ấn Độ có tốc độ tăng mạnh 40,5% với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu là 7,63 tỷ USD.

Xuất Khẩu Hàng Hóa Trong Năm 2017

Với 29 nhóm hàng có kim ngạch trên 1 tỷ USD với kim ngạch 195,93 tỷ USD, chiếm 91,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong đó, có tới 5 nhóm hàng đạt kim ngạch trên 10 tỷ USD bao gồm điện thoại các loại và linh kiện; hàng dệt may; máy vi tính; SP điện tử và SP điện tử các loại; Gạo.



Nhập Khẩu Hàng Hóa Trong Năm 2017

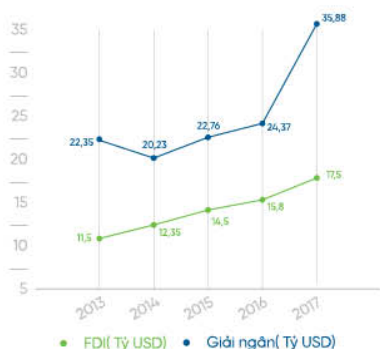
Nhập khẩu năm 2017 có 33 nhóm hàng đạt trên 1 tỷ USD, chiếm 88,7% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Trong đó hai nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện và nhóm hàng điện thoại các loại và linh kiện chiếm trên 25,6% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước; tiếp theo là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác chiếm trên 16%.



(Đơn vị: Tỷ USD)

THU HÚT VỐN FDI

Số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho biết, năm 2017, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam đạt 35,88 tỷ USD, tăng 44,4% so với cùng kỳ 2016 và tăng cao nhất trong 10 năm trở lại đây. Cùng với đó, vốn FDI giải ngân đạt 17,5 tỷ USD, tăng cao nhất từ trước đến nay. Có rất nhiều nguyên nhân khiến FDI năm 2017 tăng mạnh so với năm 2016 và vượt xa dự báo trước đó của các chuyên gia kinh tế là thu hút khoảng 30 tỷ USD. Theo đó, ngoài nguyên nhân môi trường kinh doanh tại Việt Nam đã được cải thiện, thì Việt Nam vẫn được đánh giá là quốc gia có những lợi thế nhất định trong thu hút đầu tư như chính trị ổn định, dân số đông, số người trong độ tuổi lao động lớn. Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho biết, Xuất khẩu của khu vực FDI trong năm 2017 (kể cả đầu thô) đạt 155,24 tỷ USD, tăng 23% so với cùng kỳ 2016 và chiếm 72,6% kim ngạch xuất khẩu. Xuất khẩu không kể đầu thô đạt 152,34 tỷ USD, tăng 23% so với cùng kỳ 2016, chiếm 71,2% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Nhập khẩu đạt 126,44 tỷ USD, tăng 23,4% so với cùng kỳ 2016, chiếm gần 59% kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Tính chung, khu vực FDI năm 2017 xuất siêu 28,8 tỷ USD (kể cả đầu thô).



Cục Đầu tư nước ngoài cho biết, có 115 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam trong năm 2017, trong đó, Nhật Bản dẫn đầu với tổng vốn đăng ký 9,11 tỷ USD, chiếm 25,4% tổng vốn FDI vào Việt Nam; Hàn Quốc đứng vị trí thứ 2 với tổng vốn đăng ký 8,49 tỷ USD, chiếm 23,7% tổng vốn đầu tư và Singapore đứng thứ 3 với tổng vốn đăng ký 3,17 tỷ USD, chiếm 5,3% tổng vốn đầu tư.

Các Đối Tác Đầu Tư Hàng Đầu Tại Việt Nam



Năm 2017, FDI đã đầu tư vào 59/63 tỉnh, thành phố của Việt Nam trong đó, TP Hồ Chí Minh là địa phương dẫn đầu với tổng vốn đăng ký 6,5 tỷ USD, chiếm 18,1% tổng vốn đầu tư; Bắc Ninh đứng thứ hai với 3,4 tỷ USD, chiếm 9,5% tổng vốn đầu tư; Thanh Hóa đứng thứ 3 với tổng vốn đầu tư thu hút 3,17 tỷ USD, chiếm 8,8% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam.

Các Địa Phương Thu Hút FDI Nhiều Nhất



Các Lĩnh Vực Được Đầu Tư Nhiều Nhất



Ngân hàng Standard Chartered dự báo dòng vốn FDI sẽ tiếp tục chảy mạnh vào Việt Nam trong năm nay, đạt gần 15 tỷ USD và vốn FDI vào lĩnh vực sản xuất, đặc biệt là sản xuất hàng điện tử, sẽ duy trì ở mức cao trong trung hạn. Việt Nam đã có được nhiều lợi ích từ việc tham gia vào các hiệp định thương mại khu vực, dân số trẻ và được giáo dục tốt, lực lượng lao động ngày càng dồi dào, chi phí thấp, và sự gắn kết về mặt địa lý với Trung Quốc. Những yếu tố này sẽ tiếp tục giúp Việt Nam thu hút mạnh mẽ dòng vốn FDI trong trung hạn.

CPI

Kiểm Soát Lạm Phát Thành Công

CPI bình quân cả năm 2017 tăng 3,53%, Chính phủ đã hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% trong năm nay. CPI bình quân năm 2017 tăng chủ yếu là do các địa phương điều chỉnh giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh.

Có một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm nay như chỉ số giá nhóm thực phẩm bình quân năm giảm 2,6% so với năm 2016 (chủ yếu giảm ở nhóm thịt tươi sống). Ngân hàng Nhà nước đã điều hành chính sách tiền tệ kiên định mục tiêu giữ ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 cũng đặt ra kế hoạch tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%.





TRẢI NGHIỆM DỊCH VỤ

01. TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
02. BẢO LÃNH PHÁT HÀNH
03. DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN
04. DỊCH VỤ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH

1. TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tư vấn tài chính doanh nghiệp hiện đang là thế mạnh lớn của VietinBank Securities, nhận được đánh giá cao trên TTCK Việt Nam. Với gần 18 năm kinh nghiệm và lịch sử hoạt động hiệu quả.

VietinBank Securities không ngừng hoàn thiện chất lượng dịch vụ và nỗ lực cung cấp cho khách hàng doanh nghiệp sản phẩm tư vấn đa dạng và toàn diện với giá trị gia tăng cao, bao gồm:

Tư Vấn Mua Bán Sáp Nhập Doanh Nghiệp (M&A)

VietinBank Securities thực hiện vai trò là cầu nối cho tiến trình thực hiện mua bán, sáp nhập doanh nghiệp thông qua việc giới thiệu cơ hội đầu tư, tư vấn định giá, tư vấn cấu trúc giao dịch và hỗ trợ đàm phán nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng. Kết hợp với Khối ngân hàng đầu tư (IB) của VietinBank, VietinBank Securities tin tưởng sẽ mang đến dịch vụ Tư vấn Mua bán Sáp nhập Doanh nghiệp chuyển nghiệp với chất lượng cao.

Tư Vấn Phát Hành Chứng Khoán & Đại Lý Phát Hành Chứng Khoán

VietinBank Securities sẽ hỗ trợ các Doanh nghiệp có nhu cầu nâng cao năng lực tài chính; bổ sung nguồn vốn tài trợ các dự án; mở rộng hoạt động, lĩnh vực sản xuất kinh doanh; bổ sung vốn lưu động, tái cơ cấu các khoản nợ...

Với vai trò tổ chức tài chính trung gian, đối tác và khách hàng đa dạng, rộng khắp, VietinBank Securities hỗ trợ Doanh nghiệp thực hiện thành công phương án huy động vốn khả thi và có lợi nhất. VietinBank Securities sẽ đồng hành cùng doanh nghiệp trong phát hành chứng khoán từ: xác định nhu cầu, xây dựng phương án đến phân phối chứng khoán. Tùy vào tình hình thị trường, nhu cầu và hoạt động của doanh nghiệp, VietinBank Securities sẽ cung cấp dịch vụ phát hành chứng khoán trên thị trường vốn (cổ phiếu) hay thị trường nợ (trái phiếu).

Tư Vấn Niêm Yết/ Đăng Ký Giao Dịch

VietinBank Securities hỗ trợ Doanh nghiệp có nhu cầu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán UPCoM theo một lộ trình cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp và thị trường.



Tư Vấn Cổ Phần Hoá/ Chuyển Đổi Doanh Nghiệp

Với một đội ngũ chuyên gia có nhiều kinh nghiệm, VietinBank Securities tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc cung cấp các giải pháp chuyển đổi mô hình doanh nghiệp.

VietinBank Securities tham gia ngay từ giai đoạn đầu tiên khi doanh nghiệp bắt đầu xây dựng chiến lược cổ phần hóa, xây dựng phương án cổ phần hóa, bán đấu giá cổ phần, tư vấn tổ chức đại hội đồng cổ đông... Ngoài ra, VietinBank Securities còn hỗ trợ khách hàng trong quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp trước và sau cổ phần hóa, tìm kiếm nhà đầu tư tiềm năng cho doanh nghiệp.

Tư Vấn Chuyển Nhượng Các Khoản Đầu Tư Tài Chính & Bán Đấu Giá Cổ Phần

VietinBank Securities cung cấp dịch vụ Tư vấn Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính và Bán đấu giá cổ phần. Bằng sự am hiểu về thị trường, VietinBank Securities đã thực hiện thành công rất nhiều thương vụ Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính cho nhiều Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế nhà nước trong thời gian qua như Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam...

Tư Vấn Quan Hệ Nhà Đầu Tư (IR)

IR là hoạt động chuyên biệt trong hoạt động quan hệ công chúng (PR) của doanh nghiệp bao gồm hai nghiệp vụ Tài chính và Truyền thông có vai trò xây dựng chiến lược cổ đông, công bố thông tin, cầu nối giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư đồng thời quảng bá hình ảnh doanh nghiệp.

Giá cổ phiếu của một doanh nghiệp là do nhà đầu tư quyết định mà thông tin chính là nền tảng cho mọi quyết định của nhà đầu tư. Vì vậy, một doanh nghiệp muốn giữ chân cổ đông hiện hữu và thu hút thêm ngày càng nhiều cổ đông mới không thể không quan tâm đến IR.

VietinBank Securities cung cấp Dịch vụ Quan hệ Nhà Đầu Tư (IR) trọn gói cho Quý doanh nghiệp, bao gồm:

- Tư vấn soạn thảo kế hoạch IR hàng năm.
- Phân tích và đánh giá dòng thông tin, tình hình tài chính, tình hình hoạt động chung của DN từ đó đưa ra giải pháp, thông điệp cần truyền tải.
- Chuẩn bị bộ tài liệu cho báo chí, cho cổ đông trong các cuộc họp báo, hội thảo, đại hội đồng cổ đông.
- Biên tập các bài phát biểu của Lãnh đạo doanh nghiệp tại các sự kiện đối ngoại và hoạt động IR khác.
- Tổ chức cuộc gặp gỡ, hội thảo, tiếp xúc, trao đổi với Nhà Đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư tổ chức.
- Tư vấn liên hệ kế hoạch ngân hàng và xử lý khủng hoảng.
- Tư vấn Đánh giá và thiết kế lại bộ nhận diện thương hiệu.
- Tư vấn xây dựng mạng IR online
- Tư vấn xây dựng Báo cáo thường niên.
- Các hoạt động có liên quan khác.

Tư Vấn Đầu Tư Và Chiến Lược Tài Chính

Trung tâm Nghiên cứu đã xây dựng được vị thế là một đơn vị cung cấp thông tin nhanh, kịp thời chính xác cho các nhà đầu tư. Với định hướng xây dựng phong cách đầu tư giá trị bằng những tư vấn chuyên sâu thông qua hoạt động phân tích cơ bản, phân tích ngành, VietinBank Securities đang trở thành địa chỉ đáng tin

cậy của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp thông qua các hoạt động:

- Phát hành Báo cáo phân tích cổ phiếu, ngành, thị trường, vĩ mô;
- Cung cấp dịch vụ Tư vấn chiến lược tài chính cho doanh nghiệp;
- Tổ chức hội thảo chuyên ngành chứng khoán.

Tư Vấn Khác

Để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, VietinBank Securities cung cấp nhiều sản phẩm tư vấn đa dạng như:

- Phân tích tài chính dự án;
- Tư vấn tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên / bất thường;
- Tư vấn đăng ký chứng khoán;
- Tư vấn đăng ký/ hủy đăng ký công ty đại chúng...

Trong năm 2015, VietinBank Securities đã bảo lãnh thành công 500 tỷ đồng trái phiếu chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh. Năm 2016, VietinBank Securities thực hiện bảo lãnh 450 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp. Ngoài ra VietinBank Securities cũng thực hiện bảo lãnh phát hành thành công cho 05 trái phiếu

của Công ty. Nhà đầu tư có nhu cầu giao dịch trái phiếu trên các sàn; các loại chứng khoán giao dịch qua kênh: Trái phiếu Chính phủ (Trái phiếu Kho bạc Nhà nước, Tín phiếu Kho bạc Nhà nước), Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương; Trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu (niêm yết, OTC ...).

Vietnabank Securities là đối tác tin cậy cho các công ty có phần sở hữu dịch vụ Quản lý Quỹ. Với nền tảng công nghệ hiện đại, có đồng bộ thể tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư, chuyên nhượng các phần với chi phí thấp nhất. Hiện tại, dịch vụ Quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán đã ngừng vụ mà trong đó Vietnabank Securities được ủy quyền một phần hoặc toàn bộ từ Tổ chức phát hành (TCHP) để thực hiện các công việc cụ thể sau: Quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán; Quản lý thủ tục hiện quyền; Quản lý chuyển nhượng; Thủ tục hiện chế độ bảo cáo; Lưu ký tập trung khi niêm yết hoặc do yêu cầu.

Lãi suất ứng trước hấp dẫn, không giới hạn số tiền vay.





BÁO CÁO QUẢN TRỊ

01. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG
02. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ
03. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
04. BAN KIỂM SOÁT
05. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
06. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
07. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT (BKS)
08. BÁO CÁO KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ

1. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG:

Cơ Cấu Vốn Cổ Phần Của VietinBank Securities

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

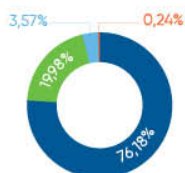
Vốn điều lệ của Công ty:	976.529.360.000	đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết:	97.652.936	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu lưu hành:	97.616.236	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ:	36.700	cổ phiếu

(Trong năm 2017 không phát sinh giao dịch tăng/giảm cổ phiếu quỹ)

Danh Sách Cổ Đông Năm Giữ Trên 5,0% Vốn Cổ Phần Của VietinBank Securities

Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Số CP Sở Hữu	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/07/2009	73.840.800	75,6%
Đại diện bởi:			
Ông Hạ Quang Vũ	027061000012	29.536.320	30,24%
Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	012174588	22.152.240	22,68%
Ông Khổng Phan Đức	012302326	22.152.240	22,68%

Cơ cấu vốn cổ phần của VietinBank Securities



- Tổ chức trong nước
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân nước ngoài

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

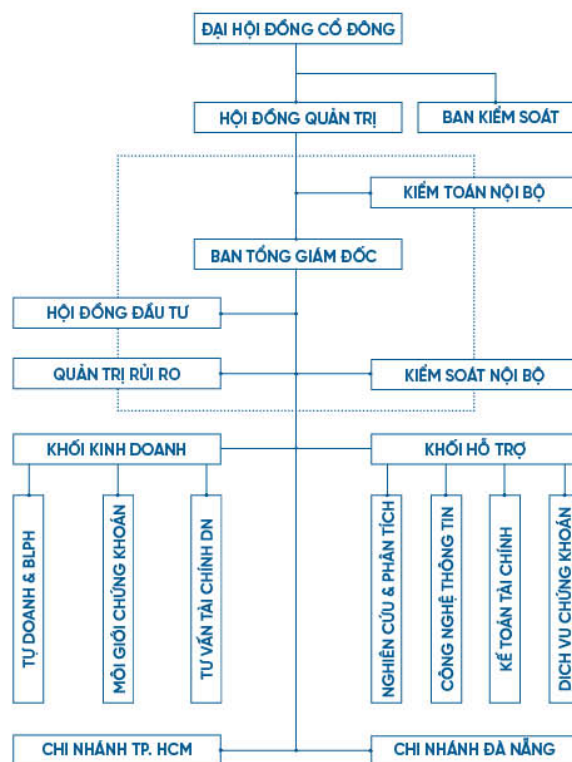
Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 (tỷ lệ 8%) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

-Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 7229179 cổ phiếu, tương đương với 72.291.790.000 đồng.

- Tổng số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 97.652.936 cổ phiếu, tương đương với tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu 976.529.360.000 đồng.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ

VietinBank Securities được tổ chức quản trị theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán với cơ cấu như sau:



3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Ông Hạ Quang Vũ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,00179%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của Vietinbank)

Trình độ học vấn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Tuổi	51

Kinh nghiệm làm việc

04/2015 – nay	Tuổi thọ Dịch vụ Nhân sự – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
05/2014 – 03/2015	Tuổi thọ Tổ chức cán bộ & Đào tạo – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
01/2012 – 04/2014	Tuổi thọ Quản lý kế toán tài chính – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
02/2011 – 12/2011	Phó phụ trách phòng Quản lý kế toán tài chính – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
07/2009 – 01/2011	Phó phòng Quản lý kế toán tài chính – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
08/2008 – 07/2009	Phó phòng Quản lý kế toán tài chính – Ngân hàng Công Thương Việt Nam
04/2008 – 07/2008	Phó phòng Kế toán – Trung tâm thẻ, Ngân hàng Công Thương Việt Nam
07/2005 – 03/2008	Cán bộ phòng Quản lý kế toán tài chính – Ngân hàng Công Thương Việt Nam
07/2003 – 06/2005	Phó phòng kế toán – Tổng Công ty Rau quả và Nông sản
05/2000 – 06/2003	Tuổi thọ Kế toán – Tổng Công ty XNK Nông sản và Thực phẩm chế biến
04/1999 – 04/2000	Phó kế toán trưởng – Tổng Công ty XNK Nông sản và Thực phẩm chế biến
07/1994 – 04/1999	Phó Giám đốc tài chính – Công ty TNHH Coca cola Ngọc Hồi
04/1988 – 07/1994	Cán bộ, Phó phòng Kế toán – Tổng Công ty XNK Công nghiệp thực phẩm

Ông Khổng Phan Đức

Ủy viên Hội đồng Quản trị / Tổng Giám đốc



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của Vietinbank)

Trình độ học vấn	Cử nhân Kinh tế đối ngoại
Tuổi	42

Kinh nghiệm làm việc

04/2015 – nay	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2015 – 04/2015	Phó phòng Thị trường vốn – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
11/2013 – 03/2015	Cán bộ, phụ trách tổ IB – Phòng Thị trường vốn, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
04/2012 – 05/2013	Tư lý Chủ tịch HĐQT – CTCP Quản lý quỹ đầu tư FPT
07/2011 – 04/2012	Giám đốc Khối môi giới – CTCP Chứng khoán HBB
06/2010 – 07/2011	Giám đốc Chi nhánh – CTCP Chứng khoán Nhất Việt – CN Hà Nội
11/2007 – 04/2009	Tuổi thọ Môi giới – CTCP Chứng khoán EuroCapital
03/2007 – 10/2007	Tuổi thọ Môi giới – CTCP Chứng khoán Thủ đô – CN TP. Hồ Chí Minh
01/2006 – 02/2007	Quản lý cổ đông – CTCP Đầu tư Công nghệ FPT
01/2003 – 12/2005	Kế toán trưởng – CTCP Công nghệ di động FPT
06/2002 – 12/2002	Kế toán trưởng – CTCP Truyền thông FPT
01/2000 – 6/2002	Nhân viên kế toán công nợ phải thu – CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ FPT
1999 – 01/2000	Nhân viên kinh doanh – CTCP Phát triển Phát thanh Truyền hình BDC

Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung

Uỷ Viên Hội Đồng Quản Trị



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Cử nhân Tài chính Ngân hàng
Tuổi	35

Kinh nghiệm làm việc

007/2015 – nay	Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hà Nội kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
04/2015 – 07/2015	Phó giám đốc Khối KHDN – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
10/2014 – 03/2015	Phó giám đốc Khối KHDN – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
06/2014 – 10/2014	Quyển Trưởng phòng quản lý hoạt động kinh doanh khối KHDN
12/2011 – 05/2014	Thư ký TGD/HĐQT cấp 1, Văn phòng – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
07/2011 – 11/2011	Thư ký Tổng Giám đốc, Văn phòng – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
05/2011 – 06/2011	Phó phòng QLRR & Nợ có vấn đề – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa
07/2009 – 04/2011	Cán bộ phòng KHDN Vừa và Nhỏ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa
09/2005 – 07/2009	Cán bộ QHKK Doanh nghiệp, phòng KHDN Vừa và Nhỏ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa

Ông Vũ Anh Đức

Uỷ Viên Hội Đồng Quản Trị



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sĩ Kinh tế phát triển
Tuổi	41

Kinh nghiệm làm việc

05/2016 – nay	Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Trung, kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
04/2015 – 04/2016	Trưởng phòng Thị trường vốn – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
07/2014 – 04/2015	Trưởng phòng Thị trường vốn – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
04/2013 – 06/2014	Phó phòng Thị trường vốn – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
12/2011 – 03/2013	Phó phòng Đầu tư – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
12/2010 – 12/2011	Tổ trưởng quan hệ nhà Đầu tư và Tài phiếu chính phủ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
01/2006 – 12/2010	Nhân viên phòng Đầu tư – Ngân hàng Công Thương Việt Nam
08/2005 – 01/2006	Nhân viên phòng Định chế – Ngân hàng Công Thương Việt Nam
04/2004 – 01/2005	Giám đốc Dự án "Intel Teach to the Future" – Việt Nam
08/2003 – 12/2004	Phó Giám đốc CTCP Phát triển CN Sao Nam
06/2001 – 08/2003	Trưởng phòng Đối ngoại – Công ty TNHH Nikken Việt Nam
03/2000 – 06/2001	Chuyên viên xuất nhập khẩu – Công ty Bán kẹo Hải Hà

Bà Nguyễn Thị Minh Hằng

Ủy Viên Hội Đồng Quản Trị



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sĩ Tài chính – Tín dụng
Tuổi	44
Kinh nghiệm làm việc	
03/2017 – nay	Phó phòng Quản lý rủi ro hoạt động, Khối Quản lý rủi ro NHCT VN
04/2015 – 03/2017	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
10/2014 – 04/2015	Phó Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
7/2014 – 10/2014	Trưởng phòng nghiệp vụ chi nhánh và quản lý chất lượng dịch vụ, Khối vận hành – Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)
10/2013 – 07/2014	Phó trưởng ban Tài thẩm định và Quản lý tín dụng – Chuyển giao phê duyệt cấp 2 – Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)
05/2012 – 10/2013	Phó trưởng ban Tài thẩm định – Tổng Công ty Tài chính đầu tư (PVFC)
02/2011 – 04/2012	Giám đốc Ban Quản lý rủi ro – CTCP Chứng khoán Đầu tư
06/2010 – 02/2011	Giám đốc Ban Quản lý nghiệp vụ – CTCP Chứng khoán Đầu tư
08/2008 – 06/2010	Giám đốc Ban kinh doanh và Dịch vụ Chứng khoán – CTCP Chứng khoán Đầu tư
08/2006 – 08/2008	Cán bộ kiểm soát – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
02/2000 – 08/2006	Cán bộ môi giới – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
1995 – 02/2000	Cán bộ tín dụng; Cán bộ thanh toán quốc tế – Sở giao dịch 1 – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

4. BAN KIỂM SOÁT**Ông Đinh Huy Kiên**

Trưởng Ban Kiểm Soát



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,000073%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sĩ Tài chính – Kiểm soát/Chứng chỉ Kế toán trưởng
Tuổi	46
Kinh nghiệm làm việc	
06/2014 – nay	Trưởng Ban kiểm soát – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2012 – 06/2014	Thành viên Ban kiểm soát, Phụ trách Phòng KTKSNB – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
12/2010 – 03/2012	Thành viên Ban kiểm soát – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
06/2009 – 12/2010	Phó phòng Môi giới lưu ký chứng khoán – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2008 – 06/2009	Phó phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp – Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
09/1997 – 02/2008	Cán bộ phòng Thanh toán Quốc tế, Tín dụng ngắn hạn, phòng Quản lý Nợ có vấn đề – Ngân hàng Công Thương Việt Nam
05/1994 – 08/1997	Cán bộ phòng Kinh doanh – Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương

Ông Nguyễn Thế Hưng

Thành Viên Ban Kiểm Sát



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sĩ Kinh tế
Tuổi	44
Kinh nghiệm làm việc	
06/2014 – nay	Phó phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, kiêm thành viên Ban Kiểm soát – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
04/2013 – 05/2014	Chuyên viên Kiểm toán nội bộ 3, Phòng Kiểm toán nội bộ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
04/2012 – 04/2013	Chuyên viên Kiểm toán nội bộ 3, Phòng Kiểm toán tuần thủ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
07/2009 – 03/2012	Nhân viên KTKSNB, Ban Kiểm tra Kiểm soát nội bộ – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
03/2009 – 07/2009	Nhân viên KTKSNB, Ban Kiểm tra Kiểm soát nội bộ – Ngân hàng Công Thương Việt Nam
08/2007 – 03/2009	Nhân viên QLRR tín dụng, Phòng Quản lý rủi ro & Nợ có vấn đề – Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Ba Đình
01/2005 – 08/2007	Cán bộ Tín dụng, Phòng khách hàng 1 – Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Ba Đình
01/1999 – 12/2004	Nhân Viên Phòng Kinh doanh đối nội – Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Ba Đình
09/1996 – 31/12/1998	Cán bộ Tín dụng, Phòng Kinh doanh – Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Ba Đình

Bà Lâm Thị Thu Hương

Thành Viên Ban Kiểm Sát



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Cử nhân Tài chính ngân hàng/Chứng chỉ Kế toán trưởng
Tuổi	35
Kinh nghiệm làm việc	
06/2014 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm cán bộ phụ trách bộ phận Kiểm toán nội bộ – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
01/2012 – 06/2014	Nhân viên phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
06/2011 – 12/2011	Tổ trưởng Tổ giám sát Phòng Dịch vụ chứng khoán – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2010 – 05/2011	Phó phòng Môi giới và Lưu ký – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Hà Nội
07/2009 – 03/2010	Cán bộ phòng Môi giới và Lưu ký – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
10/2006 – 06/2009	Cán bộ phòng Môi giới và Lưu ký – Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam

5. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

Ông Khổng Phan Đức

Ủy Viên Hội Đồng Quản Trị / Tổng Giám Đốc



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Cử nhân Kinh tế đối ngoại
Tuổi	42
Kinh nghiệm làm việc	
04/2015 – nay	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2015 – 04/2015	Phó phòng Thị trường vốn – Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
11/2013 – 03/2015	Cán bộ, phụ trách tổ IB – Phòng Thị trường vốn, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
04/2012 – 05/2013	Tọa lý Chủ tịch HĐQT – CTCP Quản lý quỹ đầu tư FPT
07/2011 – 04/2012	Giám đốc Khối môi giới – CTCP Chứng khoán HBB
06/2010 – 07/2011	Giám đốc Chi nhánh – CTCP Chứng khoán Nhất Việt – CN Hà Nội
11/2007 – 04/2009	Trưởng phòng Môi giới – CTCP Chứng khoán EuroCapital
03/2007 – 10/2007	Trưởng phòng Môi giới – CTCP Chứng khoán Thủ đô – CN TP. Hồ Chí Minh
01/2006 – 02/2007	Quản lý cổ đông – CTCP Đầu tư Công nghệ FPT
01/2003 – 12/2005	Kế toán trưởng – CTCP Công nghệ di động FPT
06/2002 – 12/2002	Kế toán trưởng – CTCP Truyền thông FPT
01/2000 – 6/2002	Nhân viên kế toán công nợ phải thu – CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ FPT
1999 – 01/2000	Nhân viên kinh doanh – CTCP Phát triển Phát thanh Truyền hình BDC

Ông Chu Mạnh Hiến

Phó Tổng Giám Đốc



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Tuổi	47
Kinh nghiệm làm việc	
01/2018 – nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối TVTCĐN – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
04/2016 – 12/2017	Giám đốc Khối TVTCĐN kiêm TP. TVTCĐN – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
01/2013 – 03/2016	Phó Phụ trách phòng TVTCĐN – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
07/2009 – 12/2012	Phó phòng TVTCĐN – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
06/2008 – 06/2009	Trưởng phòng KTKSNB – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2008 – 06/2008	Chánh văn phòng – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
11/2004 – 02/2008	Nhân viên Pháp chế – Ngân hàng Công thương Việt Nam
02/1995 – 10/2004	Nhân viên Tín dụng – Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng

Ông Nguyễn Minh Giang

Phó Tổng Giám đốc



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,0016446%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Tuổi	44
Kinh nghiệm làm việc	
03/2012 – nay	Phó Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
07/2009 – 03/2012	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
04/2008 – 06/2009	Phó Giám đốc – Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
06/2005 – 04/2008	Trưởng phòng Kế toán – Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Anh
10/2003 – 06/2005	Trưởng phòng Quản lý tiền gửi – Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Anh
10/2001 – 09/2003	Phó phòng Kinh doanh – Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Anh
12/1995 – 09/2001	Cán bộ tín dụng – Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Anh

Bà Phan Hải Sấm

Phó Tổng Giám đốc



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sỹ Tài chính – Tín dụng
Tuổi	43
Kinh nghiệm làm việc	
10/2015 – nay	Phó Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
07/2009 – 10/2015	Kế toán trưởng – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2009 – 06/2009	Phó phòng Chế độ kế toán – Ngân hàng Công Thương Việt Nam
11/2008 – 03/2009	Phó phòng Thanh toán Ngân Quỹ – Ngân hàng Công Thương Việt Nam
03/2001 – 11/2008	Cán bộ phòng Thanh toán Ngân Quỹ – Ngân hàng Công Thương Việt Nam
11/1995 – 03/2001	Cán bộ phòng kinh doanh đối ngoại – Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng

Ông Thái Hoàng Long

Phó Tổng Giám đốc



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,001644%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Tuổi	48
Kinh nghiệm làm việc	
09/2016 – nay	Phó Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
01/2016 – 08/2016	Phó Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán IB
04/2008 – 12/2015	Tổng Giám đốc – CTCP Chứng khoán Nhất Việt
01/2006 – 03/2008	Phó Tổng Giám đốc Tài chính – Công ty LD Secom Vietnam
05/2003 – 12/2005	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh – Công ty LD TAC Paritas
10/1993 – 04/2003	Phó trưởng phòng Marketing – Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam

Bà Nguyễn Thị Tú Anh

Trưởng Phòng Kế toán Tài Chính



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%
(không bao gồm số cổ phần đại diện sở hữu của VietinBank)

Trình độ học vấn	Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Kế toán
Tuổi	41
Kinh nghiệm làm việc	
11/2016 – nay	Trưởng phòng Kế toán tài chính – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
01/2016 – 10/2016	Phó phòng Phụ trách phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
08/2015 – 12/2015	Phó phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ – CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam
04/2011 – 05/2015	Phó phòng Phụ trách Phòng Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ – Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu khí
03/2008 – 01/2011	Phó phòng Dịch vụ khách hàng – Công ty Chứng khoán Ngân hàng ĐTV và PT Việt Nam
07/2005 – 02/2008	Chuyên viên Phòng Đầu tư – Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam
3/2002 – 06/2005	TP Kế toán Công ty Thái Bình Dương – Tổng Công ty Chè Việt Nam
01/1998 – 02/2002	Cán bộ kế toán – Công ty XLTKT – Tổng Công ty Chè Việt Nam

6. BẢO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:

Tên cổ đông	Chức vụ	Số CP Sở Hữu	Tỷ lệ
Hà Quang Vũ	Chủ tịch HĐQT	1.747	0,00179%
Vũ Anh Đức	Ủy viên HĐQT	0	0%
Nguyễn Trần Mạnh Trung	Ủy viên HĐQT	0	0%
Nguyễn Thị Minh Hằng	Ủy viên HĐQT	0	0%
Khổng Phan Đức	Tổng Giám Đốc - Ủy viên HĐQT	0	0%
Nguyễn Minh Giang	Phó Tổng Giám Đốc	1.607	0,001646%
Chu Mạnh Hiến	Phó Tổng Giám Đốc	0	0%
Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám Đốc	0	0%
Thái Hoàng Long	Phó Tổng Giám Đốc	0	0%
Đình Huy Kiên	Trưởng ban kiểm soát	70	0,00007%
Lâm Thị Thu Hương	Thành viên BKS	0	0%
Nguyễn Thế Hưng	Thành viên BKS	0	0%
Nguyễn Tú Tú Anh	Trưởng phòng KTTT	0	0%

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Tổng Giám đốc Công ty. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị Công ty

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty đã bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014 - 2019.

Theo đó, 05 thành viên Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty bao gồm:

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
Ông Hà Quang Vũ	Chủ tịch HĐQT	0,00179%	0
Ông Khổng Phan Đức	Ủy viên	0%	0
Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Ủy viên	0%	0
Ông Vũ Anh Đức	Ủy viên	0%	0
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Ủy viên	0%	0

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty có 04 (bốn) thành viên là Ông Hà Quang Vũ - Chủ tịch HĐQT, Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung - Ủy viên HĐQT, Ông Vũ Anh Đức - Ủy viên HĐQT và Bà Nguyễn Thị Minh Hằng - Ủy viên HĐQT. Cơ cấu Hội đồng quản trị gồm có 04 (bốn) thành viên không điều hành đảm bảo cho Hội đồng quản trị độc lập với Ban Tổng Giám đốc.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

Kết thúc năm, Hội đồng quản trị Công ty thực hiện đánh giá các chức danh do Hội đồng quản trị quản lý về việc thực hiện nhiệm vụ trong năm, trong đó có Ban Tổng Giám đốc, các tiểu ban/Hội đồng do Hội đồng quản trị quản lý.

Hội đồng quản trị Công ty đã giám sát và chỉ đạo kịp thời đối với Ban Tổng Giám đốc để tổ chức thực hiện các mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, giám sát công tác quản lý và điều hành kinh doanh trên cơ sở Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức họp thường kỳ để xây dựng kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và thường xuyên dẫn dắt kiểm tra việc thực hiện kết quả kinh doanh của Công ty. HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo định kỳ cũng như đột xuất về tình hình triển khai hoạt động kinh doanh, quản trị Công ty, qua đó HĐQT đã có các chỉ đạo xử lý kịp thời những vướng mắc trong công tác điều hành, triển khai các nhiệm vụ kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị đã ban hành các quy chế, quy định, quy trình và các quyết định về công tác quản trị nội bộ đúng quy định Điều lệ Công ty, đồng thời giám sát việc tổ chức thực hiện và chấp hành các quy chế, quy định, quy trình của Ban Tổng giám đốc đảm bảo an toàn cho các hoạt động của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị năm 2017:

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Ông Hà Quang Vũ	Chủ tịch HĐQT	04/04	0,00179%
Ông Khổng Phan Đức	Ủy viên	04/04	0%
Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Ủy viên	04/04	0%
Ông Vũ Anh Đức	Ủy viên	02/04	0%
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Ủy viên	04/04	0%

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Cử thành viên HĐQT (Bà Nguyễn Thị Minh Hằng - Ủy viên HĐQT) phụ trách hoạt động Quản trị rủi ro tại Công ty Chứng khoán Công thương theo Quyết định số 105/QĐ-UBCK ngày 26/2/2013 của UBCKNN về việc hướng dẫn thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro trong công ty chứng khoán.

Thiết lập Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT theo Quyết định số 37/QĐ-HĐQT-CKCT01 ngày 31/12/2013 của HĐQT của Công ty. Bộ phận Kiểm toán nội bộ được thiết lập và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán.



Nội dung các cuộc họp

Thời gian họp	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ tham dự
13/03/2017	Họp HĐQT định kỳ tháng 03/2017	80%
25/04/2017	Họp HĐQT định kỳ tháng 04/2017	100%
10/07/2017	Họp HĐQT định kỳ tháng 07/2017	80%
18/12/2017	Họp HĐQT định kỳ tháng 12/2017	100%

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Hàng năm, Đại hội đồng cổ đông thường niên điều chỉnh mức thù lao cho Hội đồng quản trị. Theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2017, mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 tối đa bằng 2,0% lợi nhuận sau thuế năm 2017.

Căn cứ kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2017, số tiền thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát dự kiến như sau:

Nội dung	Số tiền/ Triệu đồng
Lợi nhuận sau thuế năm 2017	109.854
Thù lao Hội đồng quản trị	823,416
Thù lao Ban Kiểm soát	91,378

Thay đổi Ban điều hành:

- Chấm dứt hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị Minh Hằng – Phó tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Công thương từ ngày 16/03/2017.

- Bổ nhiệm Ông Chu Mạnh Hiến – Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp kiêm Trưởng phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp Công ty Chứng khoán Công thương giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối tư vấn Công ty Chứng khoán Công thương từ ngày 01/01/2018.

Các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Không phát sinh



7. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT (BKS):

Ban Kiểm soát được DHDGD bầu với nhiệm kỳ 05 (năm) năm. Ban Kiểm soát hiện có 03 (ba) thành viên, trong đó có 01 (một) thành viên độc lập, 01 (một) thành viên kiêm nhiệm phụ trách bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty, 01 (một) thành viên là cán bộ quản lý của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam kiêm nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ nắm giữ cổ phần và chứng khoán khác do Công ty phát hành:

Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do công ty phát hành
Ông Đinh Huy Kiên	Trưởng Ban Kiểm soát	28/12/2010	0,000073%	0%
Bà Lâm Thị Thu Hoàng	Thành viên BKS, phụ trách bộ phận Kiểm toán nội bộ	16/6/2014	0%	0%
Ông Nguyễn Thế Hưng	Phó phòng KTKSNB NHCT VN kiêm Thành viên BKS Công ty	16/6/2014	0%	0%

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tiến hành 04 cuộc họp với sự tham gia của đầy đủ các thành viên Ban kiểm soát nhằm tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp với HĐQT, nắm bắt tình hình thực tế kinh doanh của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT, BDH trong việc thực hiện các chiến lược và mục tiêu đã được DHDGD phê duyệt vào tháng 4/2017.

Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán. Thêm định báo cáo tài chính, báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính bán niên và hàng năm của Công ty.

Giám sát việc chấp hành các văn bản chính sách của nhà nước; quy trình, quy chế và các quy định nội bộ của Công ty.

Kết quả giám sát:

Thông qua việc kiểm tra, giám sát cho thấy Hội đồng quản trị Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo kịp thời và theo sát mục tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, công tác quản lý và điều hành kinh doanh về cơ bản đều dựa vào Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong quá trình giám sát, Ban kiểm soát cũng đã có ý kiến kịp thời với HĐQT, Ban TGD trong việc chỉ đạo thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh, việc ban hành các văn bản chính sách nhằm bảo đảm các hoạt động kinh doanh của Công ty đều thống nhất, tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ.

Trong năm 2017, Công ty đã nắm bắt được cơ hội của thị trường chứng khoán, gia tăng lợi nhuận mảng chứng khoán niêm yết đồng thời chủ trọng và tích cực tìm kiếm các cơ hội đầu tư thông qua đầu giá (IPO) và đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhờ vậy gia tăng thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vào Công ty cũng đã chủ động tìm kiếm các nguồn vốn để sử dụng cho hoạt động giao dịch kỳ quỹ, dự nợ margin năm 2017 tăng trưởng mạnh. Do vậy, năm 2017 Công ty đã thực

hiện 133,616 tỷ đồng lợi nhuận, tăng 37% so với năm 2016 và vượt 1,3% chỉ tiêu do DHDGD 2017 giao.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Các thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát và thành viên Ban Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên.

- HĐQT mời Trưởng Ban Kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT, các tài liệu như biên bản họp HĐQT, Nghị quyết, các tài liệu, báo cáo, tờ trình của Ban Tổng Giám đốc xin ý kiến HĐQT khi gửi cho HĐQT để đồng thời gửi cho Ban Kiểm soát.

- Ban Kiểm soát được nhận tài liệu và được mời và tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng, các cuộc họp triển khai, sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh hoặc chuyên đề thuộc mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty.

- HĐQT, Ban điều hành tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các thành viên HĐQT, Ban điều hành và người quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.





8. BÁO CÁO KIỂM TRA KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Năm 2017 công tác quản trị rủi ro (QTRR) tại VietinBank Securities luôn luôn song hành hoạt động kinh doanh của Công ty, qua đó đã phát hiện sớm nhiều rủi ro tiềm ẩn và đã đưa vào cảnh báo cho các hoạt động kinh doanh, việc cảnh báo sớm các rủi ro đã giúp VietinBank Securities hạn chế các tổn thất không đáng có trong hoạt động kinh doanh của mình.

Hoạt động quản trị rủi ro đã được cụ thể hóa bằng quy trình riêng trong đó quy định các bước công việc thực hiện trong phân tích, đánh giá, xếp loại, kiểm soát và xử lý rủi ro... Ngoài ra, để tăng cường công tác phòng chống rủi ro VietinBank Securities đã đưa các cảnh báo rủi ro riêng và cụ thể vào các quy chế, quy định và quy trình của từng mảng kinh doanh. Như vậy, các rủi ro liên quan đến khách hàng, các mảng kinh doanh của Công ty đều đã được kiểm soát và có quy trình hướng dẫn chi tiết để thực hiện. Trong năm 2017, VietinBank Securities tiếp tục triển khai áp dụng chính sách quản trị rủi ro vào từng loại rủi ro: **rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro pháp lý.**

• Rủi Ro Hoạt Động:

VietinBank Securities tiếp tục chuẩn hóa các chính sách và quy trình kinh doanh nhằm tuân thủ các quy định pháp luật, rà soát và bổ sung các chất kiểm soát liên quan đến các hoạt động tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư và tài chính kế toán, giao dịch kỳ quỹ, mỗi giờ, lưu ký. Vì VietinBank Securities nhận thức rõ đây là công cụ và là yếu tố then chốt để quản lý hiệu quả rủi ro hoạt động.

• Rủi ro thị trường:

VietinBank Securities đang thực hiện đo lường giá trị rủi ro thị trường theo quy định tại Thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính. Việc đo lường giá trị rủi ro thị trường được Công ty thực hiện định kỳ hàng tháng nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng rủi ro thị trường khi tính tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của VietinBank Securities.

• Rủi ro thanh toán:

VietinBank Securities đang thực hiện đo lường giá trị rủi ro thanh toán theo quy định tại Thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính. Việc đo lường giá trị rủi ro thanh toán được Công ty thực hiện định kỳ hàng tháng, nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng rủi ro thanh toán khi tính tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của VietinBank Securities.

• Rủi ro thanh khoản:

VietinBank Securities giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban lãnh đạo phân tích, đánh giá đủ đáp ứng cho các hoạt động của VietinBank Securities và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về dòng tiền. Định kỳ, VietinBank Securities thực hiện lập báo cáo phân tích dòng tiền để so sánh dòng tiền vào và dòng tiền ra trong kỳ cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính, qua đó phân tích và đánh giá những xu hướng sử dụng và huy động vốn trong kỳ. Ngoài ra, VietinBank Securities lập báo cáo phân tích chỉ số thanh khoản dựa trên các số liệu tại bảng cân đối kế toán và các số liệu quản trị nội bộ của Công ty. Từ đó đưa ra các đánh giá về khả năng thanh khoản/ trạng thái thanh khoản của VietinBank Securities trong kỳ báo cáo.

• Rủi ro pháp lý:

Bộ phận pháp chế của VietinBank Securities thường xuyên và chủ động cập nhật các thay đổi của văn bản pháp luật và đánh giá những tác động của việc thay đổi các chính sách liên quan đến hoạt động của VietinBank Securities. Rà soát, chuẩn hóa các quy trình, chính sách, phân cấp ủy quyền của các nghiệp vụ để đảm bảo phù hợp với các thay đổi pháp lý, đồng thời thống nhất nội dung, tránh các văn bản, quy định rời rạc, thiếu nhất quán, thiếu đồng bộ. Hỗ trợ các bộ phận nghiệp vụ kiểm

tra tính pháp lý của các dự thảo hợp đồng và các văn bản phát hành của VietinBank Securities.

• Công bố thông tin:

Với vị thế một công ty niêm yết và hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, VietinBank Securities công bố thông tin quan tâm đặc biệt đến việc quản lý các nguồn thông tin, từ đó bên trong VietinBank Securities đến thị trường, hay từ thị trường ảnh hưởng đến danh tiếng của VietinBank Securities.

VietinBank Securities luôn chấp hành nghiêm chỉnh theo đúng quy định của pháp luật trong việc công bố thông tin thường xuyên và thông tin bất thường. Với việc tôn trọng quyền lợi và giá trị đầu tư của các Cổ đông, VietinBank Securities nhận thức rõ ràng trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin cho Cổ đông và nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

01. MỤC TIÊU THỰC HIỆN BÁO CÁO
02. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
03. CƠ CẤU QUẢN TRI VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
04. CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO
05. NỘI DUNG BÁO CÁO

1. MỤC TIÊU THỰC HIỆN BÁO CÁO

Nội Dung Báo Cáo

Năm 2017 là năm VietinBank Securities thành công trong việc triển khai các định hướng xây dựng những giá trị bền vững của doanh nghiệp trở thành một doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh bền vững, có sức ảnh hưởng và lan tỏa những giá trị tốt đẹp cho sự phát triển của mỗi thành viên trong Công ty, cho khách hàng, cho thị trường và cho toàn xã hội thông qua các hoạt động thiết thực.

Các lĩnh vực được trình bày trong báo cáo gồm: Hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, chính sách liên quan đến người lao động, trách nhiệm đối với cộng đồng, Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.

Phạm Vi Báo Cáo

Báo cáo Phát triển Bền vững năm 2017 được thực hiện và công bố như một tài liệu bổ sung, gắn kết chặt chẽ với Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính đã kiểm

toán năm 2017 của Công ty. Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 và các năm trước đó của Công ty.

Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2017, đồng thời cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu của Công ty trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được thực hiện cho phạm vi toàn bộ Công ty, bao gồm Trụ sở chính và các chi nhánh.

Nội dung phát triển bền vững của VietinBank Securities có liên quan chặt chẽ với chiến lược về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, xuất phát từ sứ mệnh và tầm nhìn của Công ty, cũng như đảm bảo tuân thủ các quy trình về kiểm tra kiểm soát nội bộ, các quy định chung của quốc gia và quốc tế về cạnh tranh, quyền con người, luật môi trường...



LIÊN HỆ MỌI THÔNG TIN

Mọi ý kiến đóng góp cho Báo cáo Phát triển Bền vững, vui lòng liên hệ:

Bộ phận Công bố thông tin - Công ty Cổ phần Chứng khoán Công Thương
Địa chỉ: 306 Bà Triệu, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84.24) 39746900
Email: IR@vietinbanksc.com.vn

2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mô Hình Phát Triển Bền Vững

Tại VietinBank nói chung và VietinBank Securities nói riêng, vấn đề "phát triển bền vững" đã được đề cao từ lâu theo lịch sử hình thành lâu đời của doanh nghiệp và ngày càng được mở rộng không chỉ đảm bảo các lợi ích về kinh tế trước mắt mà còn quan tâm ngày càng nhiều hơn các lợi ích bền vững lâu dài và những tác động đến cộng đồng.

Là một trong những Công ty chứng khoán lâu đời nhất tại Việt Nam, thành viên của ngân hàng có thương hiệu uy tín nhất tại Việt Nam, VietinBank Securities hiểu rõ trách nhiệm của mình trong việc gắn kết tầm nhìn, sứ mệnh và định hướng phát triển bền vững. Thông qua hoạt động của mình, VietinBank Securities đã có những tác động tích cực cả trực tiếp và gián tiếp đến sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, cụ thể:

- Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động;
- Huy động vốn cho nền kinh tế;
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp sử dụng vốn hiệu quả;
- Hỗ trợ nhà đầu tư nâng cao hiệu quả đầu tư;
- Đóng góp cho sự phát triển của ngành chứng khoán, tài chính;
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp, minh bạch hóa doanh nghiệp;
- Tạo điều kiện phát triển thể hệ trẻ, hỗ trợ cộng đồng

VietinBank Securities có lịch sử hoạt động hiệu quả với thành tích liên tục báo lãi trong tất cả các năm tài chính kể từ khi thành lập. Bên cạnh các cơ hội phát triển đã được từ các thế mạnh, năng lực cạnh tranh cao, kinh nghiệm thị trường, quản trị doanh nghiệp hiệu quả, đội ngũ nhân sự giỏi và tận tâm với công việc, Công ty cũng phải đối diện với các rủi ro nội bộ và bên ngoài như rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro thành khoản, rủi ro pháp lý (xem thêm mục Báo cáo kiểm tra kiểm soát nội bộ - Báo cáo Thường niên 2017, trang 69).

Việc nhận diện các tác động, rủi ro và cơ hội giúp Công ty đánh giá tình hình hiện tại, từ đó xây dựng mô hình

và các mục tiêu phát triển bền vững phù hợp. Các mục tiêu phát triển bền vững của Công ty được định hướng căn cứ vào tầm nhìn "Tiên phong trong lĩnh vực Ngân hàng đầu tư".

Mô hình phát triển bền vững được VietinBank Securities xây dựng dựa trên mục tiêu hướng đến tạo lập thành công cho các đối tượng: Doanh nghiệp, Thị trường và Xã hội.

Mô hình phát triển bền vững

Phát triển bền vững trong doanh nghiệp

- Tăng trưởng ổn định
- Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động, chăm lo đời sống người lao động.
- Chú trọng hoạt động đào tạo nhằm phát triển năng lực cho đội ngũ nhân viên.
- Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ
- Tăng tính minh bạch.

Đóng góp bền vững cho thị trường

- Đảm bảo có tác động tích cực cho cổ đông
- Không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng

Đóng góp bền vững cho xã hội

- Tăng cường kinh huy động vốn cho doanh nghiệp
- Đóng góp phát triển thị trường và nền kinh tế Việt Nam
- Hoàn thành trách nhiệm với nhà nước
- Chia sẻ với cộng đồng
- Bảo vệ môi trường

3. CƠ CẤU QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tại VietinBank Securities, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cao nhất về chiến lược phát triển bền vững. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu và kế hoạch, đồng thời chia sẻ và đảm bảo vốn để phát triển bền vững được thực hiện trong toàn Công ty từ các Bộ phận chức năng đến từng nhân viên, theo mô hình dưới đây:

Mô Hình Phát Triển Bền Vững:



Các hoạt động của Công ty được giám sát bởi các chính sách, quy trình nghiệp vụ cụ thể, nhằm đảm bảo việc tuân thủ đúng các quy định nội bộ và pháp luật hiện hành cũng như đảm bảo hiệu quả hoạt động. Tất cả các chính sách, quy trình trong Công ty được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn và các quy định khác của pháp luật như Quyết định số 105/QĐ-UBCK về việc ban hành Quy chế hướng dẫn việc thiết lập và vận hành hệ thống Quản trị rủi ro cho công ty chứng khoán, Thông tư 121/2012/TT-BTC về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng, Thông tư 210/2012/TT-BTC hướng dẫn thành lập và hoạt động công ty chứng khoán...

Trên cơ sở các chính sách, quy trình, Bộ phận Kiểm tra kiểm soát nội bộ (KTKSNB) sẽ đưa ra các rủi ro chính và các hoạt động kiểm soát rủi ro, từ đó xây dựng kế hoạch, chương trình kiểm tra gắn liền với các mục tiêu. Bộ phận KTKSNB trực tiếp giám sát, trao đổi, làm việc với các bộ phận có liên quan để phát hiện ra các sai sót và đưa ra giải pháp điều chỉnh nhằm mang lại chất lượng phục vụ tốt hơn, đảm bảo sự an toàn cho khách hàng, cũng như cho hoạt động của Công ty.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty có nhiệm vụ báo cáo trực tiếp cho Hội đồng quản trị, nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động Quản trị rủi ro nội bộ.

4. CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

VietinBank Securities nhận thấy mọi hoạt động của Công ty đều có liên quan và ảnh hưởng đến các đối tượng bên trong cũng như bên ngoài Công ty. Để đảm bảo phát triển hài hòa, cân đối và bền vững trong các mối liên quan tổng thể, Công ty thường xuyên trao đổi, tương tác với các bên liên quan thông qua các hoạt động. Đây cũng là hình thức để VietinBank Securities xác định nội dung Báo cáo phát triển bền vững năm 2017.

Tương Tác Với Nhân Viên

- Họp sơ kết 6 tháng, tổng kết năm, hội nghị người lao động;
- Tổ chức chương trình sinh nhật nhân viên trong tháng;
- Duy trì hoạt động tiếp án cho các cán bộ nhân viên;
- Thông tin, trao đổi qua Internet, điện thoại, email nội bộ;
- Các chương trình đào tạo nội bộ;
- Tổ chức các chương trình khảo sát lấy ý kiến;
- Tổ chức các sự kiện nội bộ nhằm tăng cường tinh đoàn kết: chương trình 20/10, 1/6, trung thu, Giáng sinh, du lịch.

Tương Tác Với Cổ Đông

- Đại hội cổ đông thường niên;
- Báo cáo định kỳ Cổ đông lớn;
- Cán bộ chuyên trách quản lý Cổ đông;
- Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư/ Trao đổi qua điện thoại với bộ phận Quan hệ Cổ đông;
- Email gửi cổ đông và nhà đầu tư

Tương Tác Với Khách Hàng/ Nhà Đầu Tư

- Hội thảo tư vấn đầu tư, giới thiệu cơ hội đầu tư;

- Góp gò trao đổi, tư vấn trực tiếp/Trao đổi qua điện thoại với nhân viên kinh doanh, nhân viên chăm sóc khách hàng và Phòng Dịch vụ chứng khoán;

- Hỗ trợ khách hàng qua website, trang Tra cứu <http://www.vietinbanksc.com.vn/investorComer.aspx>;

- Email gửi khách hàng.

Tương Tác Với Báo Chí

- Phòng văn trả lời báo chí;
- Tham gia các Diễn đàn do các báo tổ chức;
- Trao đổi qua điện thoại, email với bộ phận Truyền thông;
- Thông cáo báo chí.

Tương Tác Với Cơ Quan Quản Lý Và Hiệp Hội

- Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do Chính phủ, Bộ, các cơ quan quản lý tổ chức;
- Tham gia các hội thảo xây dựng thị trường do các cơ quan quản lý tổ chức.

Tương Tác Với Cộng Đồng Địa Phương

- Tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng, chia sẻ khó khăn với những người kém may mắn do ngân hàng mẹ VietinBank tổ chức;
- Tham gia các hoạt động cộng đồng

Phát Triển Bền Vững Trong Doanh Nghiệp

Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của VietinBank Securities năm 2017 đạt mức tăng trưởng lần lượt 0,6% và 7,5% so với năm 2016, tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng ổn định qua các năm.

Năm	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế
2012	165	75
2013	150	65
2014	165	68
2015	230	75
2016	240	80
2017	290	115

Với nguồn vốn dồi dào trong khi nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản phải trả cho hoạt động giao dịch chứng khoán, cơ cấu về nguồn vốn linh hoạt đó, giúp Công ty có thể chủ động trong việc đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động giao dịch kỳ quỹ và đầu tư nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng vốn khi thị trường thuận lợi.

Cơ cấu tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản ngắn hạn mang tính thanh khoản cao, do vậy mà các chỉ số khả năng thanh toán luôn đạt hạn 2 lần qua các năm.



Hội đồng thi đua – Khen thưởng Công ty được thành lập với mục đích:

- Đảm bảo công tác thi đua khen thưởng trong Công ty được thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước Việt Nam về thi đua khen thưởng.
- Tạo động lực mạnh mẽ, khuyến khích toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty tích cực thi đua, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- Hội Đồng Thi đua – Khen thưởng làm việc theo nguyên tắc:

Hội đồng lương Công ty được thành lập với mục đích:

- Áp dụng thống nhất hệ thống ngạch bậc, cơ chế quản lý và chi trả tiền lương đối với các đơn vị, người lao động làm việc tại Công ty;

- Gắn việc chi trả tiền lương với vai trò, trách nhiệm, đảm nhiệm; năng lực cá nhân; kết quả và hiệu quả thực hiện công việc của đơn vị, cá nhân cũng như kết quả kinh doanh, chính sách và chiến lược kinh doanh của Công ty;

- Đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với thị trường lao động nhằm tạo động lực nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong công việc; thu hút và giữ lao động thực sự có năng lực, trình độ và gắn bó lâu dài với Công ty.

- * Xác định trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị, cá nhân liên quan trong việc thực hiện quản lý và chi trả tiền lương. Công ty thực hiện chính sách và công thức trả lương nguyên tắc: tiền lương phải phản ánh chất và hiệu quả kinh doanh của từng bộ phận và hiệu quả của mỗi cá nhân của tổ chức, vào tuần thứ ba của tháng để ứng dụng định mức của từng bộ phận và cá nhân công bằng và cạnh tranh. Trong năm 2017, Công ty tiếp tục áp dụng thành công chính sách tiền lương theo KPIs (lương theo hiệu quả công việc). Bên cạnh đó, Công ty đã áp dụng Quy định chi trả tiền lương cho nhân viên làm việc theo giờ, ngày, Quy chế thưởng và phạt đồng... qua đó tạo động lực cạnh tranh và tăng sức hấp dẫn nhân sự trên thị trường về lương và phúc lợi Công ty.

Bộ quy định về hoạt động thi đua khen thưởng của công ty với đầy đủ các hạng mục và hướng dẫn về đánh giá khen thưởng được ban hành và áp dụng nghiêm túc. Nguyên tắc thi đua tại Công ty được xây dựng trên tinh thần tự nguyện, tự giác, công khai, đảm bảo tính thanh toán kết hợp tác, cùng phát triển.

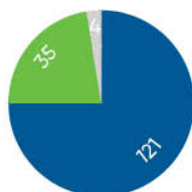
Hoạt động thi đua khen thưởng trở thành hoạt động quan trọng thúc đẩy tinh thần làm việc hiệu quả của cán bộ nhân viên Công ty.



Các chương trình phúc lợi, đặc biệt về chăm sóc sức khỏe dành cho cán bộ nhân viên đã và đang được quan tâm đặc biệt nhằm mang lại cho cán bộ nhân viên Công ty những tiện ích tốt nhất trong việc chăm sóc và giữ gìn sức khỏe.

Ngôi việc tham gia bảo hiểm y tế theo quy định của Luật lao động, từ 03 năm trở lại đây, Công ty đã áp dụng chính sách bảo hiểm sức khỏe cao cấp dành cho các nhân viên và người thân. Hàng năm, Công ty có chương trình khám sức khỏe định kỳ, khám tổng quát được áp dụng cho tất cả các nhân viên tại các địa chỉ khám chữa bệnh có uy tín nhằm đảm bảo tốt cả thành viên Công ty đều được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe tốt.

Thế độ hiệu lực luận được Công ty và Ban chấp hành Công đoàn quan tâm và thực hiện để đạt những thành tựu vượt trội, đồng viên và hội tạo lập thời cơ với tất cả các nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty vẫn luôn duy trì các hoạt động thiện nguyện, tham quan, nghỉ mát... nhằm mục đích tạo động lực, nâng cao đời sống tinh thần và giúp các nhân viên gắn bó hơn với Công ty. Các chương trình hoạt động tập thể như Chương trình hội nghị người lao động, biểu diễn tập thể, Cuộc thi thiếu niên, Trung thu, Giáng sinh... luôn được Công ty chú trọng nhằm tăng cường tinh thần đoàn kết và hợp tác, tạo điều kiện giao lưu trao đổi giữa đồng và nhân viên, giúp các nhân viên và nhau để chia sẻ thành tựu, cùng nhau phấn đấu, vượt qua những khó khăn thử thách, cùng nhau tiến bộ, cùng nhau xây dựng một tương lai tươi sáng, và tạo được môi trường nhân văn cho các nhân viên, tạo nên môi trường sống và phát triển chung của Công ty cũng như sự phát triển bền vững.



- Đại học
- Trên đại học
- Khác



Chương trình tổng kết năm và chào đón năm mới "Chào xuân 2018" là một trong các hoạt động nổi bật của Công ty trong năm 2017, tại đây toàn thể cán bộ nhân viên đã cùng nhau nhìn lại một năm hoạt động và kinh doanh đầy sôi động và cùng nhau thể hiện tinh thần đoàn kết, sự gắn kết với Công ty trong các tiết mục văn nghệ sôi nổi.

**Tạo Môi Trường Thuận Lợi, Hỗ Trợ Phát Triển
Sự Nghiệp Cho Nhân Viên**

Công tác nhân sự, tuyển dụng

Xác định nguồn nhân lực là tài sản quý giá nhất và là chìa khóa cho thành công của Công ty. Công ty tiếp tục chính sách phát triển nguồn nhân lực, chi trọng việc tuyển dụng nhân sự có năng lực, đồng thời cạnh tranh thu hút nhân sự chất lượng cao trên thị trường nhân bản VietinBank Securities là nơi tốt nhất để các nhân có cơ hội để phát triển nghề nghiệp, có chính sách đãi ngộ, để đạt các mục tiêu cách công bằng, đánh giá năng lực và bồi dưỡng đạo đức cấp cao cho từng kinh doanh, có chế thu hút nhân tài và có hội phần đông, tăng tính bình đẳng.

Việc sắp xếp lại lao động, điều chuyển và bố trí nhân sự phụ trách mảng công việc theo năng lực được thực hiện linh hoạt để cán bộ thường xuyên được trau dồi mở rộng nghiệp vụ, đồng thời tạo điều kiện để hỗ trợ lẫn nhau nhằm đảm bảo hoàn thành công việc được giao.

Năm 2017 cũng là năm ghi nhận sự tăng trưởng nhân sự nhanh chóng, tổng số nhân sự là 160 cán bộ nhân viên, tăng 14,2% so với năm 2016.

Heat đồng đạo tạo

Năm 2017, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các khóa học nghiệp vụ và kỹ năng mềm đào tạo cho cán bộ nhân viên nhằm phát triển các kỹ năng làm việc cho tất cả các vị trí.

Nội Dung	Số lượng
Số lượng kho đào tạo	32
Số lượng học viên tham gia trên tổng số lớp học	350
Tổng số chứng chỉ hành nghề	72

**Hoạt Động Quản Lý Chất Lượng Dịch Vụ,
Giám Sát Việc Thực Hiện Quy Chuẩn Về Đạo
Đức Nghề Nghiệp.**

Trong năm 2017, hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ cũng được chú trọng thực hiện nghiêm túc nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng cũng như cho hoạt động nội bộ bên trong Công ty. Bộ phận giám sát đã tiến hành việc kiểm tra và nhắc nhở thường xuyên nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Công ty cũng đã ban hành Bộ tiêu chuẩn chất lượng và mục đích chuẩn hóa quy trình tiếp đón, giao tiếp và chất lượng phục vụ khách hàng tại Công ty; đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng và quảng bá hình ảnh của Công ty đến khách hàng. Bộ tiêu chuẩn bao gồm một hệ thống các quy định và hướng dẫn thực hiện về quy chuẩn không gian giao dịch, tiêu chuẩn về năng lực cán bộ, kỹ năng giao tiếp với khách hàng; báo cáo thông tin, tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh chứng khoán.



Đóng Góp Bền Vững Trên Thị Trường



Phục Vụ Cho Lợi Ích Cổ Đông

Đến thời điểm tăng vốn đầu tư năm 2017, VietinBank Securities có 4.702 cổ đông, trong đó 44 cổ đông là tổ chức và 4.658 cổ đông cá nhân. Với chính sách cổ tức ổn định từ 6%/năm trở lên, VietinBank Securities đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và thu nhập ổn định cho cổ đông.

Minh bạch hóa thông tin với nhà đầu tư được VietinBank Securities quan tâm thực hiện thông qua việc chủ trương Công tác quan hệ cổ đông (Investor Relation - IR), đảm bảo quyền lợi tiếp cận thông tin của cổ đông. Công tác IR tại VietinBank Securities được thực hiện chuyên trách bởi người được ủy quyền công bố thông tin trực tiếp phụ trách.

Đại hội đồng cổ đông thường niên và Báo cáo thường niên là hai hoạt động IR chính giúp nhà đầu tư và cổ đông nắm được đầy đủ thông tin về kết quả kinh doanh, chiến lược, tầm nhìn và các hoạt động của VietinBank Securities trong năm. VietinBank Securities cũng xây dựng và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu của các cổ đông để gửi thông tin qua thư điện tử.

Bên cạnh đó Công ty cũng sẵn sàng đón nhận và giải đáp thắc mắc những phản hồi của nhà đầu tư thông qua email, điện thoại cũng như gặp gỡ trực tiếp.

Không Ngừng Nâng Cao Chất Lượng Phục Vụ Khách Hàng

Cung cấp sản phẩm dịch vụ khách hàng với sự thấu hiểu và tận tâm

Nhân sự của Công ty được đào tạo với việc để cao tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo luôn cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin đến khách hàng và đảm bảo rằng các khoản đầu tư của mỗi khách hàng được tư vấn thực hiện một cách an toàn và hiệu quả nhất bởi đội ngũ chuyên gia có kinh nghiệm và trình độ cao. Bên cạnh các dịch vụ chứng khoán cơ bản cung cấp cho khách hàng, VietinBank Securities phát triển một hệ thống các tiện ích gia tăng nhằm hỗ trợ khách hàng về kiến thức và công cụ tham gia thị trường:

Báo cáo phân tích:

Điểm mạnh trong các báo cáo phân tích của Công ty là các phân tích sâu, chi tiết, thông tin nhanh nhậy và các dự báo trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng tình hình kinh tế vĩ mô, ngành và từng doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư ra quyết định kịp thời. Cụ thể các sản phẩm mà bộ phận nghiên cứu của Công ty cung cấp cho khách hàng gồm:

- Báo cáo chiến lược, bao gồm các thông tin - phân tích - nhận định - dự báo về kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán và chiến lược đầu tư.

- Báo cáo vĩ mô, bao gồm các thông tin - phân tích - nhận định - dự báo về GDP, lạm phát, chỉ số công nghiệp, cân cán thương mại, cán cân thanh toán, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và tỷ giá. Báo cáo vĩ mô được xuất bản thường xuyên, đặc biệt là vào những thời điểm có các tin tức quan trọng.

- Báo cáo ngành đưa ra báo cáo tổng quan về ngành cùng các nhận định - đánh giá về triển vọng cổ phiếu ngành.

- Bán tin ngày: đưa thông tin và bình luận về thị trường chứng khoán, kinh tế vĩ mô và doanh nghiệp hàng ngày.

Báo cáo khuyến nghị CTS - Spotlight cung cấp thông tin đầy đủ và khuyến nghị đầu tư về các mã cổ phiếu tốt cho nhà đầu tư.

Các công cụ hỗ trợ giao dịch:

Để tối đa hóa hiệu quả dịch vụ, VietinBank Securities đã áp dụng nâng cấp các công nghệ hỗ trợ tiện ích cho khách hàng, bao gồm:

- Các giải pháp giao dịch trực tuyến cho phép nhà đầu tư ở bất cứ đâu đều có thể theo dõi được thông tin thị trường chứng khoán và giao dịch theo thời gian thực.

- Các dịch vụ giao dịch trên thiết bị di động như VNSTOCK (trên điện thoại di động) đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư thường xuyên theo dõi thị trường trên các thiết bị di động, đặc biệt là các thiết bị điện tử thông minh - xu hướng giao dịch của tương lai.

- SMS: Nhằm phục vụ cho việc theo dõi sự biến động trên tài khoản khách hàng, hệ thống tin nhắn SMS của VietinBank Securities tự động nhắn tin đến khách hàng khi có sự thay đổi về tiền, chứng khoán, cổ tức và thực hiện quyền trên tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

- Thu điện tử: VietinBank Securities định kỳ gửi bản tin và sao kê hàng tháng cho nhà đầu tư nhằm mang lại sự thuận lợi, nhanh chóng, an toàn trong việc cập nhật thông tin tài khoản giao dịch chứng khoán đến nhà đầu tư.

- Hoạt động chăm sóc khách hàng: Trong năm 2017, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động chăm sóc khách hàng thông qua việc đưa ra các gói sản phẩm phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

- Đặc biệt năm 2017, Công ty đã bắt tay vào triển khai dự án thay Core mới theo Công nghệ Nhật Bản. Dự kiến dự án sẽ hoàn thiện và đi vào phục vụ nhà đầu tư trong tháng 4/2018.



Đóng Góp Phát Triển Thị Trường

VietinBank Securities đã tích cực tham gia các hoạt động đóng góp cho thị trường như Diễn đàn thảo luận thường niên của UBCKNN, các Hội thảo, Hội nghị thành viên của HNX, HOSE...

Trong năm 2017, VietinBank Securities phối hợp với HSX, HNX, Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức 05 hội thảo, mỗi hội thảo là một ngành, chủ đề khác nhau. Đặc biệt với sự tham gia của chính các doanh nghiệp đang niêm yết trên 02 Sở Giao dịch chứng khoán, VietinBank Securities tạo cơ hội để Nhà đầu tư có thể tương tác trực tiếp với lãnh đạo doanh nghiệp. Từ đó, Nhà đầu tư hiểu doanh nghiệp hơn, đầu tư và sáng hành với bước phát triển của doanh nghiệp. Loạt hội thảo tiếp tục khẳng định quan điểm đầu tư giá trị - đúng đắn và bền vững của VietinBank Securities.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
02. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
03. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
04. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
05. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
06. BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
07. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Công thương (gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Ông Hạ Quang Vũ	Chủ tịch HĐQT
Ông Khổng Phan Đức	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Ủy viên
Ông Vũ Anh Đức	Ủy viên
Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Ủy viên
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
Ông Khổng Phan Đức	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 03 năm 2017)
Ông Nguyễn Minh Giang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Hải Sâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thái Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Mạnh Hiên	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



KHÔNG PHAN ĐỨC
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

02. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ Đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam, được lập ngày 01 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách Nhiệm Của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách Nhiệm Của Kiểm Toán Viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý Kiến Của Kiểm Toán Viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


Phạm Tuấn Linh
 Kiểm Toán Viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3001-2014-001-1


Nguyễn Tuấn Anh
 Giám đốc Kiểm Toán
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1291-2008-001-1



03. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120)	100		1.734.816.822.264	1.352.652.424.243
I. Tài Sản Tài Chính (110=111+112+113+114+115+116+117+118+119+120)	110		1.637.416.630.916	1.351.966.363.615
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	4	15.072.569.250	256.905.258.905
1.1 Tiền	111.1	-	10.072.569.250	136.905.258.905
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2	-	5.000.000.000	120.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	6	418.256.824.185	253.888.877.384
3. Các khoản cho vay	114	6	658.980.679.063	415.545.480.797
4. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	6	507.498.747.644	388.194.904.902
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	6	(4.623.081.434)	
6. Các khoản phải thu	117	-	34.803.860.502	1.719.835.959
6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	7	33.350.000.000	
6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	7	1.453.860.502	1.719.835.959
6.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.2.1	-	1.453.860.502	1.719.835.959
7. Trả trước cho người bán	118	8	124.325.461	30.422.028.892
8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7	7.286.672.386	4.175.928.787
9. Các khoản phải thu khác	122	7	16.033.859	1.114.047.989
II. Tài Sản Ngắn Hạn Khác (130=132+133+134+138)	130	-	97.400.191.348	686.060.628
1. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132	-	23.427.040	27.173.455
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	9	937.676.667	658.887.173
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	4	10.000.000	-
4. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	138	17	96.429.087.641	-
B. Tài Sản Dài Hạn (200=220+240+250)	200	-	103.436.355.259	67.996.020.804
I. Tài sản cố định	220	-	46.443.962.545	45.775.924.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.985.004.234	7.379.109.516
- Nguyên giá	222	-	31.561.260.466	28.892.297.202
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a	-	(23.576.256.232)	(21.513.187.686)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	38.458.958.311	38.396.815.340
- Nguyên giá	228	-	56.888.997.756	55.270.155.756
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a	-	(18.430.039.445)	(16.873.340.416)
II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	12	27.833.900.000	2.419.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	250	-	29.158.492.714	19.801.095.948
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	-	203.928.000	15.000.000
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	9	905.582.587	572.344.040
3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	253	25	8.160.488.637	-
4. Tiến nộp Quý Hỗ trợ thanh toán	254	13	17.166.195.325	14.676.788.311
5. Lợi thế thương mại	256	9	2.722.298.165	4.537.163.597
Tổng Cộng Tài Sản (270=100+200)	270	-	1.838.253.177.523	1.420.648.445.047

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
C. Nợ Phải Trả (300=310+340)	300	-	667.379.742.694	350.905.843.239
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310	-	658.020.931.256	349.282.140.261
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	14	509.536.400.000	235.000.000.000
1.1 Vay ngắn hạn	312	-	509.536.400.000	235.000.000.000
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	15	3.855.926.278	76.080.160.080
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	-	21.081.522.031	3.955.878.378
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	-	741.750.000	1.161.670.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	9.395.345.030	9.151.750.985
6. Phải trả người lao động	323	-	9.542.814.091	9.405.329.986
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	-	-	51.500.461
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	-	1.351.220.024	3.327.933.014
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327	-	633.836.138	5.731.709.255
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	-	1.191.780.857	1.621.903.128
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331	-	4.186.473.392	3.794.304.974
12. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu chính phủ	332	17	96.503.863.415	-
II. Nợ phải trả dài hạn	340	-	9.358.811.438	1.623.702.978
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351	-	957.884.493	1.623.702.978
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	25	8.400.926.945	-
D. Vốn Chủ Sở Hữu (400=410)	400	-	1.170.873.434.829	1.069.742.601.808
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1.170.873.434.829	1.069.742.601.808
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	-	982.467.130.630	910.190.340.630
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1	-	976.529.360.000	904.237.570.000
a. Cổ phiếu phổ thông	411.1a	-	976.529.360.000	904.237.570.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	411.2	-	6.193.512.734	6.208.512.734
1.3 Cổ phiếu quỹ	411.5	-	(255.742.104)	(255.742.104)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414	-	25.503.619.401	21.344.586.736
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415	-	25.503.619.401	21.344.586.736
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417	19	137.399.065.397	116.863.087.706
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1	-	148.177.250.169	133.226.107.144
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2	-	(10.778.184.772)	(16.363.019.438)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440	-	1.838.253.177.523	1.420.648.445.047

03. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Chỉ Tiêu Ngoài Báo Cáo Tài Chính

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Đơn vị: VND				
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006		976.162.360.000	903.870.570.000
2. Cổ phiếu quỹ	007		367.000.000	367.000.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		357.887.060.000	94.897.680.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		357.887.060.000	94.897.680.000
4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		77.914.830.000	19.506.720.000
5. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		7.477.000.000	216.000.000
6. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		552.181.570.000	241.379.960.000
7. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		120.000	1.170.610.000

Đơn vị: VND				
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		19.738.138.040.000	16.054.815.100.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		15.834.656.100.000	13.149.296.770.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		1.013.021.440.000	81.643.750.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		862.665.050.000	692.097.900.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		1.735.148.950.000	2.102.840.670.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		292.646.500.000	28.936.010.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		575.149.540.000	833.595.770.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		575.111.540.000	833.556.270.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		38.000.000	39.500.000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		285.236.370.000	34.280.320.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký của Nhà đầu tư	024.b		-	346.050.000
5. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		9.398.340.000	5.282.770.000

Đơn vị: VND				
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)				
6. Tiền gửi của khách hàng	026	-	621.637.437.582	178.372.623.551
6.1 Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	027	27.1	269.965.025.660	121.548.018.681
6.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	27.1	346.572.024.999	52.744.362.453
6.3 Tiền gửi gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	27.1	1.294.189.134	961.886.157
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1	-	1.225.929.959	867.929.092
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2	-	68.259.175	93.957.065
6.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	27.2	3.806.197.789	3.118.356.260
7. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	27.3	617.831.239.793	175.254.267.291
7.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1	-	617.396.082.251	174.835.359.647
7.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2	-	435.157.542	418.907.644
8. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	27.3	3.806.197.789	3.118.356.260

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Đào Thị Yến
Người lập

Nguyễn Tú Anh
Trưởng phòng Kế toán tài chínhKhổng Phan Đức
Tổng Giám Đốc

04. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lợi tức các tài sản tài chính ghi nhận	01	-	90.573.638.073	36.443.898.919
thông qua lãi/lỗ				
a. Lãi bán các tài sản tài chính ghi	01.1	20.1	43.330.015.360	34.679.333.045
nhận thông qua lãi/lỗ				
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài	01.2	20.2	42.004.634.725	-
chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ				
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính	01.3	20.3	5.238.987.988	1.764.565.874
ghi nhận thông qua lãi/lỗ				
1.2 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	20.3	59.356.979.663	36.519.559.668
1.3 Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	04	20.3	36.299.015.210	59.816.055.331
1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	-	40.572.565.926	39.858.213.459
1.5 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát	07	-	2.214.000.000	13.437.888.888
hành chứng khoán				
1.6 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	-	24.156.311.041	22.820.690.939
1.7 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	-	33.343.457.688	24.407.604.361
1.8 Thu nhập hoạt động khác	11	-	314.048.069	407.298.938
Cộng doanh thu hoạt động	20	-	286.830.015.670	233.711.210.503
(20=01+03+04+06+07+09+10+11)				
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua	21	-	38.289.509.046	22.765.678.873
lãi/lỗ				
a. Lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận thông	21.1	20.1	165.083.880	162.806.065
qua lãi/lỗ				
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài	21.2	20.2	36.179.361.751	17.863.344.884
chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ				
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính	21.3	22	1.945.063.415	4.739.527.924
ghi nhận thông qua lãi/lỗ				
2.2 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý	24	-	4.623.081.434	-
tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ				
suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay				
của các khoản cho vay				
2.3 Chi phí hoạt động tự doanh	26	-	3.546.922.916	2.377.228.098
2.4 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	-	27.513.582.099	25.789.868.319
2.5 Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành	28	-	-	1.368.000.000
chứng khoán				
2.6 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	-	18.793.445.714	17.358.616.053
2.7 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	-	8.253.561.683	10.704.244.102
2.8 Chi phí khác	32	-	1.814.865.432	1.825.745.432
Cộng chi phí hoạt động	40	-	102.834.968.324	82.189.380.877
(40=21+24+26+27+28+30+31+32)				

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Doanh thu, du thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân	42	-	1.594.888.956	1.887.768.671
hàng không cố định				
3.2 Doanh thu khác về đầu tư	44	-	412.980	326.415.000
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50	-	1.595.301.936	2.214.183.671
(50=42+44)				
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chi phí lãi vay	52	-	12.775.046.881	13.665.364.846
4.2 Chi phí tài chính khác	55	-	-	228.488.428
Cộng chi phí tài chính (60=52+55)	60	-	12.775.046.881	13.893.853.274
(60=52+55)				
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	24	39.877.386.442	37.712.966.944
(70=20+50-40-60-62)	70	-	132.937.918.739	102.129.193.079
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70=20+50-40-60-62)	70	-	132.937.918.739	102.129.193.079
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC	-	-	-	-
7.1 Thu nhập khác	71	-	703.493.485	115.759.091
7.2 Chi phí khác	72	-	24.817.297	3.061.887
Cộng kết quả hoạt động khác (80=71-72)	80	-	678.676.188	112.697.204
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90	-	133.616.591.927	102.241.890.283
(90=70+80)				
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91	-	127.791.318.953	120.105.235.167
8.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92	-	5.825.272.974	(17.863.344.884)
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	-	23.762.104.784	19.061.236.986
9.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	25	23.521.666.476	19.061.236.986
9.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	25	240.438.308	-
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200	-	109.854.487.143	83.180.653.297
(200=90-100)				
XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500	-	1.125	852
11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	-	1.125	852

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Đào Thị Yến
Người lậpNguyễn Tú Anh
Trưởng phòng Kế toán tài chínhKhổng Phan Đức
Tổng Giám Đốc

05. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017 (phương pháp gián tiếp) Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	133.616.591.927	102.241.890.283
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	18.337.393.349	13.080.673.766
- Khấu hao tài sản cố định	03	4.000.496.311	3.138.672.641
- Các khoản dự phòng	04	4.623.081.434	-
- Chi phí lãi vay	06	12.775.046.881	13.665.364.846
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	(1.607.370.775)	(2.003.527.762)
- Dự thu tiền lãi	08	(1.453.860.502)	(1.719.835.959)
3. Tăng các chi phí tiền tệ	10	36.179.361.751	17.863.344.884
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11	36.179.361.751	17.863.344.884
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(42.004.634.725)	-
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19	(42.004.634.725)	-
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(645.021.294.506)	(399.273.638.580)
- (Tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31	(158.542.673.827)	(166.752.643.290)
- (Tăng) các khoản cho vay	33	(243.435.198.266)	(214.290.015.614)
- (Tăng) tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	34	(119.303.842.742)	(12.192.944.900)
- (Tăng)/Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	(32.288.329.745)	7.898.877.627
- (Tăng) các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37	(3.110.743.599)	(2.681.753.437)
- Giảm/(Tăng) các khoản phải thu khác	39	31.196.789.561	(30.848.513.531)
- Giảm các tài sản khác	40	3.746.415	30.476.962
- Giảm chi phí trả trước	42	1.202.637.391	1.352.638.591
- Thuế TNDN đã nộp	43	(24.879.817.986)	(17.133.598.555)
- Lãi vay đã trả	44	(14.751.759.871)	(10.337.431.832)
- (Giảm)/Tăng phải trả cho người bán	45	(66.023.370.149)	51.218.795.361
- (Giảm)/Tăng các khoản trích nộp phúc lợi cho nhân viên	46	(51.500.461)	32.223.702
- Tăng/(Giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	1.601.745.555	(115.429.981)
- (Giảm)/Tăng phải trả cho người lao động	48	(6.024.196.156)	2.634.072.606
- (Giảm)/Tăng phải trả, phải nộp khác	50	(6.613.733.873)	820.612.446
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	7.772.680.261	2.505.071.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(11.773.727.014)	(11.404.075.735)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(498.892.582.204)	(264.087.729.647)

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61	(19.158.654.000)	(4.016.557.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	62	12.481.819	115.759.091
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63	(96.429.087.641)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	1.594.888.956	1.887.768.671
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(113.980.370.866)	(2.013.029.718)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay gốc	73	1.577.137.419.486	967.521.080.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(1.206.097.156.071)	(732.521.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	80	371.040.263.415	235.000.000.000
IV. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM	90	(241.832.689.655)	(33.100.759.385)
V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	101	256.905.258.905	290.006.018.290
- Tiền	101.1	136.905.258.905	45.006.018.290
- Các khoản tương đương tiền	101.2	120.000.000.000	245.000.000.000
VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	103	15.072.569.250	256.905.258.905
- Tiền	103.1	10.072.569.250	136.905.258.905
- Các khoản tương đương tiền	103.2	5.000.000.000	120.000.000.000

Nguyễn Tú Anh
Trưởng phòng Kế toán tài chính



06. BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Chi TIÊU	Thuyết minh		Số dư đầu năm (trình bày tại)				Số tăng / giảm				Đơn vị: VNĐ	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Số dư cuối năm	
- Bình đẳng vốn chủ sở hữu	996.070.020.493	1.049.742.401.808	175.645.309.895	100.996.728.870	870.444.342.473	(89.333.059.652)	1.049.742.401.808	1.770.873.454.829				
18 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu	843.271.550.630	970.190.340.630	66.934.190.000	15.000.000	72.297.790.000	5.000.000	970.190.340.630	982.647.350.630				
11 - Vốn góp của chủ sở hữu	837.303.380.000	904.237.070.000	66.934.190.000	-	72.297.790.000	-	904.237.070.000	976.596.360.000				
12 - Thặng dư vốn cổ phần	6.223.52.734	6.208.32.734	-	15.000.000	-	15.000.000	6.223.52.734	6.193.52.734				
18 - Cổ phiếu quỹ	(295.342.504)	(295.342.504)	-	-	-	-	-	(295.342.504)	(295.342.504)			
18 - Quy định từ lợi nhuận vốn đầu tư	17.501.025.834	21.344.586.736	3.843.540.902	-	4.399.032.665	-	21.344.586.736	25.503.976.601				
18 - Quy định phân lợi nhuận vốn đầu tư không vì lợi nhuận của chủ nhân	17.501.025.834	21.344.586.736	3.843.540.902	-	4.399.032.665	-	21.344.586.736	25.503.976.601				
18 - Lợi nhuận phân phối	18.500.818.395	76.863.087.706	107.043.598.181	500.981.728.870	109.854.487.343	(89.338.429.424)	116.863.087.706	137.390.066.397				
11 - Lợi nhuận phân phối	115.200.622.649	133.226.107.144	307.043.998.181	(81.118.383.986)	304.269.652.477	(89.338.429.424)	133.226.107.144	146.177.250.149				
12 - Lợi nhuận chia thực hiện	1.500.325.446	-	-	(17.863.144.884)	-	5.566.836.466	-	(16.363.079.438)	(10.778.784.772)			
	996.070.020.493	1.049.742.401.808	175.645.309.895	100.996.728.870	870.444.342.473	(89.333.059.652)	1.049.742.401.808	1.770.873.454.829				

107 - C - 7
Đã xử lý xong và thông tin năm 2018



Thống Phan Đức
Tôn Giám Đức

Nguyễn Tú Anh
Giảng viên Khoa Kế toán và Kiểm toán

Đào Thị Yến
Người lớp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THẠCH THẠCH

07. THUYẾT MINH TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

1. Thông Tin Khái Quát

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Chứng khoán Công thương (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cùng với các cổ đông khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 107/UBCK-GP ngày 01 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 789934.000.000 VND. Ngày 13 tháng 9 năm 2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh số 44/GPDC-UBCK tăng vốn điều lệ của Công ty lên 976.529.360.000 VND.

Ngày 01 tháng 7 năm 2009, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Theo Quyết định số 431/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty hủy niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 6 năm 2017. Ngày 20 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chuyển sang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 196/QĐ-SGD ngày 13 tháng 6 năm 2017).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 161 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 144 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính; tư vấn đầu tư chứng khoán; tư vấn kinh doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán

Công ty thực hiện theo Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 11 năm 2012 và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210, theo đó:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều 44 này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tư vấn kinh doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu là lệ theo yêu cầu của khách hàng;

b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ, làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại

điểm c, d và d khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);

c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này và điểm e khoản 4 Điều này.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do

biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. Cơ Sở Lập Báo Cáo Tài Chính Và Năm Tài Chính

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210, về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. Tóm Tắt Các Chính Sách Kế Toán Chủ Yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính công như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi thanh toán của Công ty.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là số tiền của công ty chứng khoán để sẵn sàng tham gia thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá trị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ". Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá trị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính ghi nhận có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí ngân hàng...). Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính ghi nhận có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay và số dư của khoản cho vay đó. Tổng hoặc giảm số dư dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khác dài và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính ghi nhận được xác định là sẵn sàng để bán, hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao

dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau khi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và sẵn sàng để bán theo giá trị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá trị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thấp được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá trị thị trường của các chứng khoán này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, Luật Kế toán cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty đã thực hiện đánh giá lại chứng khoán. Ảnh hưởng của thay đổi chính sách kế toán này tới số liệu đầu kỳ trình bày trên báo cáo tài chính là không trọng yếu. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty ghi nhận các tài sản tài chính theo phương pháp giá gốc và trích lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính từ ngày báo cáo hạn và sẵn sàng để bán khi có các bằng chứng khách quan về sự giảm giá trị hợp lý của tài sản tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 210.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Các khoản phải thu bao gồm phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu, dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp bao gồm phải thu về hoạt động tư vấn, phải thu nhà đầu tư trong giao dịch chứng khoán về phí dịch vụ môi giới, phí lưu ký chứng khoán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hạn dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	06-10
Máy móc và thiết bị	03-07
Thiết bị văn phòng	03-05
Phương tiện giao thông vận tải	06
Tài sản khác	03

Tài sản cố định và hình và khấu hao

Tài sản cố định và hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm.

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định và hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được tính bảy theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê là đất là 50 năm từ ngày 10 tháng 11 năm 2014 đến ngày 09 tháng 11 năm 2064.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh được tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa, giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm kể từ ngày công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động. Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền kỳ quỹ Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán với Sở Giao dịch chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán còn bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

Doanh thu

Hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính

Doanh thu hoạt động đầu tư vào công cụ tài chính bao gồm lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, Lãi từ các khoản cho vay và phải thu, Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ghi nhận các khoản chênh lệch lãi bán tài sản tài chính của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ tài sản tài chính (lãi từ cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dẫn tích).

Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư và hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động lưu ký chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi thỏa mãn cả bốn (4) điều kiện sau đây:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính, và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

Hoạt động tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu khác

Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dẫn tích.

Các khoản doanh thu liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành hoặc phân bổ theo đường thẳng trong thời gian cung cấp dịch vụ. Giá trị chưa phân bổ được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện trên báo cáo tình hình tài chính.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của công ty chứng khoán bao gồm chi phí hoạt động tự doanh, chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn và các chi phí hoạt động khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của công ty chứng khoán bao gồm chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động từ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. Tiền Và Các Khoản Tương Đương Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	89.039.969	35.189.102
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	9.918.983.151	136.835.001.548
Tiền gửi thanh toán bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	64.546.130	35.068.255
Các khoản tương đương tiền(*)	5.000.000.000	120.000.000.000
Tổng	15.072.569.250	256.905.258.905

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5. Giá Trị, Khối Lượng Giao Dịch Thực Hiện Trong Năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (cổ phiếu)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
Của công ty chứng khoán	56.596.980	2.166.891.561.200
Cổ phiếu	43.296.980	758.404.411.200
Trái phiếu	13.300.000	1.408.487.150.000
Của nhà đầu tư	1.628.174.672	25.614.377.334.500
Cổ phiếu	1.625.265.922	25.314.679.560.800
Trái phiếu	2.903.000	299.627.690.000
Chứng khoán khác	5.750	70.083.700

6. Các Loại Tài Sản Tài Chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	277.080.449.441	266.863.548.280	40.099.942.141	38.954.646.930
Cổ phiếu chưa niêm yết	159.276.834.408	151.393.275.905	84.714.667.881	62.726.563.367
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	-	không áp dụng	153.000.000.000	không áp dụng
Tổng cộng	436.357.283.849	418.256.824.185	277.814.610.022	101.681.210.297

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu chưa niêm yết	73.496.787.642	không áp dụng	128.192.964.900	không áp dụng
Trái phiếu niêm yết	4.001.960.002	không áp dụng	4.001.960.002	không áp dụng
Trái phiếu chưa niêm yết	430.000.000.000	không áp dụng	256.000.000.000	không áp dụng
Tổng cộng	507.498.747.644		388.194.904.902	

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Các khoản cho vay				
Các khoản cho vay hoạt động margin	658.980.679.063	không áp dụng	415.545.480.797	không áp dụng
Tổng cộng	658.980.679.063		415.545.480.797	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng giá trị tài sản tài chính cầm cố thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn với giá trị là 248.038.088.643 VND (Chi tiết tại Thuyết minh số 14 - Vay ngắn hạn).

6. Các Loại Tài Sản Tài Chính (Tiếp Theo)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị năm nay	Chênh lệch đánh giá lại	
			Tăng	Giảm
I. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-	-	-
1. Cổ phiếu	436.357.283.849	418.256.824.185	42.004.634.725	(36.179.361.751)
II. Các khoản cho vay và phải thu	658.980.679.063	không áp dụng	-	-
III. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	507.498.747.644	không áp dụng	-	-
Tổng cộng	1.602.836.710.556	418.256.824.185	42.004.634.725	(36.179.361.751)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị năm trước ^(*)	Chênh lệch đánh giá lại	
			Tăng	Giảm
I. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	277.814.610.022	101.681.210.297	-	-
1. Cổ phiếu	124.814.610.022	101.681.210.297	792.332.913	(23.925.732.638)
2. Tiền gửi có kỳ hạn cố định	153.000.000.000	không áp dụng	-	-
II. Các khoản cho vay và phải thu	415.545.480.797	không áp dụng	-	-
III. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	388.194.904.902	không áp dụng	-	-
Tổng cộng	1.081.554.995.721		792.332.913	(23.925.732.638)

Đơn vị: VND

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty ghi nhận các tài sản tài chính theo phương pháp giá gốc và trích lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay giao dịch kỳ quỹ	(4.623.081.434)	-
	4.623.081.434	-

7. Các Khoản Phải Thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư ^(*)	33.350.000.000	-
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	1.453.860.502	1.719.835.959
Trong đó:		
Dự thu tiền lãi trái phiếu niêm yết	7.210.959	7.210.959
Dự thu tiền lãi trái phiếu chưa niêm yết	1.444.566.210	1.613.888.889
Dự thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.083.333	98.736.111
3. Phải thu các dịch vụ cung cấp	7.286.672.386	4.175.928.787
Trong đó:		
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	603.372.209	55.847.335
Phải thu hoạt động tư vấn	5.365.701.457	2.505.317.500
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	998.399.429	422.139.208
Phải thu hoạt động nhận ủy thác, đầu giá	48.828.366	-
Phải thu dịch vụ khác	270.370.925	1.192.624.744
4. Phải thu khác	16.033.859	1.114.047.989
	42.106.566.747	7.009.812.735
Trong đó:		
Số dư phải thu có khả năng thu hồi	42.106.566.747	7.009.812.735

(*) Đây là khoản phải thu từ bán tài sản tài chính đã thực hiện giao dịch khớp lệnh tại ngày 29 tháng 12 năm 2017. Tại ngày 03 tháng 01 năm 2018 (ngày T+2), Công ty đã được thanh toán khoản phải thu này.

8. Trả Trước Cho Người Bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước mua cổ phiếu IPO ^(*)	-	30.000.000.000
Khác	124.325.461	422.028.892
	124.325.461	30.422.028.892

(*) Khoản ứng trước mua cổ phiếu IPO tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh tiền mua cổ phần của doanh nghiệp đang cổ phần hoá nhưng vẫn chưa chuyển đổi thành công ty cổ phần. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, việc cổ phần hoá đã hoàn thành.

9. Chi Phí Trả Trước Và Lợi Thế Thương Mại

Đơn vị: VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	937.676.667	658.887.173
	937.676.667	658.887.173
Chi phí trả trước dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp ^(*)	2.722.298.165	4.537.163.597
Chi phí trả trước dài hạn khác	905.582.587	572.144.040
Tổng cộng	3.627.880.752	5.109.307.637

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp được phân bổ trong vòng 10 năm từ ngày 01 tháng 7 năm 2009.

Giá trị phân bổ trong năm như sau:

Đơn vị: VND		
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.537.163.597	6.352.029.029
Trích trong năm	(1.814.865.432)	(1.814.865.432)
Số cuối năm	2.722.298.165	4.537.163.597

10. Tổng Giám Tài Sản Cổ Định Hữu Hạn

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm	4.890.829.636	14.731.238.691	7.286.300.857	1.945.188.018	38.740.000	28.892.297.202
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	136.400.000	-	-	-	136.400.000
Mua sắm trong năm	-	13.901.142.000	-	295.550.000	-	1.685.692.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(31.363.636)	-	(549.265.100)	-	(380.728.736)
Số dư cuối năm	4.890.829.636	17.464.077.055	7.286.300.857	1.891.372.918	38.740.000	31.561.260.466
GIÁ TRỊ HẠO MÔN LUY KẾ						
Số dư đầu năm	1.571.168.877	13.926.455.633	4.132.574.052	1.847.894.020	35.095.104	21.513.187.686
Khấu hao trong năm	733.604.440	1.014.939.086	62.117.166	70.411.692	3.644.896	2.444.379.282
Thanh lý, nhượng bán	-	(31.363.636)	-	(549.365.100)	-	(380.728.736)
Số dư cuối năm	2.304.793.317	14.910.081.085	4.783.751.218	1.568.940.612	38.740.000	23.576.256.232
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày cuối năm	2.586.036.379	2.543.985.970	2.532.549.639	322.432.306	-	7.985.004.214
Tại ngày đầu năm	3.376.660.759	804.783.068	3.153.726.805	97.293.998	3.644.896	7.379.109.516

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình, bao gồm chung, vẫn còn sử dụng với giá trị là 18.689.663.520 VND (tới ngày 31 tháng 12 năm 2016: 18.211.300.438 VND).

11. Tăng, Giảm Tài Sản Cố Định Vô Hình

Đơn vị: VND			
NGUYÊN GIÁ	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
Số dư đầu năm	39.439.384.884	15.830.770.872	55.270.155.756
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.055.000.000	1.055.000.000
Mua sắm trong năm	-	563.842.000	563.842.000
Số dư cuối năm	39.439.384.884	17.449.612.872	56.888.997.756
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ	-	-	-
Số dư đầu năm	1.613.600.639	15.259.739.777	16.873.340.416
Khấu hao trong năm	789.860.144	766.838.885	1.556.699.029
Số dư cuối năm	2.403.460.783	16.026.578.662	18.430.039.445
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	-	-	-
Tại ngày cuối năm	37.035.924.101	1.423.034.210	38.458.958.311
Tại ngày đầu năm	37.825.784.245	571.031.095	38.396.815.340

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là **15.528.322.872 VND** (tối ngày 31 tháng 12 năm 2016: **13.851.522.872 VND**).

12. Chi Phí Cơ Bản Dỡ Dàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng hệ thống quản lý và giao dịch chứng khoán	27.833.900.000	-
Chi phí xây dựng hệ thống Contact Center	-	2.419.000.000
	27.833.900.000	2.419.000.000

13. Tiến Nộp Quý Hỗ Trợ Thanh Toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiến nộp ban đầu	3.154.440.111	3.154.440.111
Tiến nộp bổ sung	8.809.768.267	7.152.940.171
Tiến lại phân bổ trong năm	5.201.986.947	4.369.408.029
	17.166.195.325	14.676.788.311

14. Vay Ngân Hạn

Đơn vị: VND				
Loại vay ngắn hạn	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Vay ngắn hạn (i)	235.000.000.000	1.480.633.556.071	1.206.097.156.071	509.536.400.000
Tổng cộng	235.000.000.000	1.480.633.556.071	1.206.097.156.071	509.536.400.000

(i) Các hợp đồng vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm:

Ngày hợp đồng	Thời gian vay	Gốc vay tại ngày 31/12/2017 (VND)	Mục đích vay
08/11/2017	2 tháng	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động của Công ty
14/11/2017	2 tháng	10.000.000.000	
22/11/2017	2 tháng	104.466.000.000	
07/12/2017	1 tháng	10.000.000.000	
18/12/2017	1 tháng	30.000.000.000	
19/12/2017	1 tháng	20.000.000.000	
22/12/2017	1 tháng	89.000.000.000	
25/12/2017	1 tháng	100.000.000.000	
22/12/2017	1 tháng	30.000.000.000	
29/12/2017	1 tháng	20.000.000.000	
30/11/2017	3 tháng	66.070.400.000	
Tổng cộng		509.536.400.000	

Công ty đã cầm cố các tài sản tài chính có giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là **248.038.088.643 VND** để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Cổ phiếu	148.038.088.643	72.000.000.000
Trái phiếu	100.000.000.000	150.000.000.000
Tổng cộng	248.038.088.643	222.000.000.000

15. Phải Trả Hoạt Động Giao Dịch Chứng Khoán

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán	906.012.442	678.642.160
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	1.082.815.640	1.171.514.946
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	1.867.098.196	74.230.002.974
Trong đó:		
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (*)	-	40.476.600.000
Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco (*)	-	3.756.699.800
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (*)	-	29.351.479.000
Công ty TNHH MTV Lọc - Hóa dầu Bình Sơn (**)	256.230.000	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận (**)	377.200.000	-
Khác	1.233.668.196	645.224.374
Tổng cộng	3.855.926.278	76.080.160.080

(*) Các khoản dứt cọc của nhà đầu tư mua cổ phiếu được phát hành thêm của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam, Công ty Cổ phần Gạch men Cosevco và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, các giao dịch mua bán cổ phiếu phát hành trên đã hoàn thành;

(**) Các khoản dứt cọc của nhà đầu tư mua cổ phiếu.

16. Thuế Và Các Khoản Phải Nộp Nhà Nước

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Thuế GTGT phải nộp	999.318.971	271.333.567
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.852.958.891	8.211.110.401
Thuế thu nhập cá nhân	1.543.067.168	669.307.017
Tổng cộng	9.395.345.030	9.151.750.985

17. Giao Dịch Mua Bán Lại Trái Phiếu Chính Phủ

Tài sản ghi nhận liên quan đến giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Repo trái phiếu chính phủ (*)	96.429.087.641	-

(*) Bao gồm là các khoản phải thu repo đối với trái phiếu chính phủ mà Công ty đã mua và cam kết sẽ bán lại trong thời gian dưới 12 tháng.

Công nợ ghi nhận liên quan đến giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Repo trái phiếu chính phủ (**)	96.503.863.415	-

(**) Bao gồm là các khoản phải trả repo đối với trái phiếu chính phủ mà Công ty đã bán và cam kết sẽ mua lại trong thời gian dưới 12 tháng.

18. Vốn Chủ Sở Hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Số đầu năm trước	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Thống kê vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (VND)	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng (VND)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	83.180.653.297	83.180.653.297
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	66.934.190.000	-	-	-	-	(66.934.190.000)	-
Trích lại nhuận sau thuế	-	-	-	3.843.560.902	3.843.560.902	(7.687.121.804)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(8.497.072.182)	(8.497.072.182)
Giảm khác	-	(15.000.000)	-	-	-	-	(15.000.000)
Số dư đầu năm nay	904.237.870.000	6.223.512.734	(285.742.104)	21.344.588.736	21.344.588.736	116.800.818.395	995.074.020.493
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	109.854.487.143	109.854.487.143
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	72.297.790.000	-	-	-	-	(72.297.790.000)	-
Trích lại nhuận sau thuế	-	-	-	4.159.012.665	4.159.012.665	(8.318.045.330)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(8.708.654.122)	(8.708.654.122)
Giảm khác	-	(15.000.000)	-	-	-	-	(15.000.000)
Số dư cuối năm nay	976.829.360.000	6.193.512.734	(285.742.104)	26.503.619.401	26.503.619.401	137.399.045.397	1.170.877.434.829

Trong năm, Công ty đã thực hiện tích các lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 4 năm 2017.

Tại ngày 13 tháng 9 năm 2017, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2016 với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 7.229.779 cổ phiếu, với giá trị tương đương 72.297.790.000 VND.

18. Vốn Chủ Sở Hữu (Tiếp Theo)

	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	97.652.936	976.592.360.000	90.423.757	904.237.570.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	97.652.936	976.592.360.000	90.423.757	904.237.570.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	97.616.236	976.162.360.000	90.387.057	903.870.570.000

19. Tình Hình Phân Phối Thu Nhập Cho Cổ Đông

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước	116.863.087.706	116.800.818.395
Lãi đã thực hiện năm nay	104.269.652.477	83.180.653.297
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(4.159.032.665)	(3.843.560.902)
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(4.159.032.665)	(3.843.560.902)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	(8.708.654.122)	(8.497.072.182)
Số lãi phân phối cho cổ đông thông qua phát hành cổ phiếu	(72.291.790.000)	(66.934.190.000)
Lãi đã thực hiện chưa phân phối cuối năm	131.816.230.731	116.863.087.706

Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 không bao gồm phần chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư đã trích lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 số tiền là 363.019.438 VND, đang được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính là lợi nhuận chưa thực hiện chưa phân phối đầu năm do ảnh hưởng của thay đổi chính sách ghi nhận theo nguyên tắc giá trị thị trường.

20. Thu Nhập

20.1. Lãi/ Lỗ Các Tài Sản Tài Chính

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân của truyền		Lãi bán chứng khoán năm nay	Lãi bán chứng khoán năm trước
				ngày giao dịch	tính đến cuối ngày giao dịch		
1	Cổ phiếu niêm yết	7.339.480	195.219.345.000	174.396.561.650	20.822.803.350	3.782.505.350	-
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	5.379.400	89.384.350.000	70.644.009.331	18.720.340.669	19.334.283.573	-
3	Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	508.777.000	-
4	Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	-	4.702.222.222	-
5	Tài phiếu chưa niêm yết	100	158.190.000.000	154.124.046.300	2.063.933.700	-	-
6	Tài phiếu niêm yết	850.000	898.333.100.000	89.828.850.000	4.250.000	-	-
7	Repo với phiếu	-	-	-	1.718.687.641	3.067.680.000	-
8	Cổ phiếu chưa chuyển quyền	-	-	-	-	3.283.864.900	-
Tổng cộng					43.330.015.160	34.679.333.045	

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân của truyền		Lãi bán chứng khoán năm nay	Lãi bán chứng khoán năm trước
				ngày giao dịch	tính đến cuối ngày giao dịch		
1	Cổ phiếu niêm yết	1.461.270	33.655.675.100	33.664.811.180	9.136.080	162.806.065	-
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	411.000	1.239.300.000	1.391.247.800	151.947.800	-	-
3	Tài phiếu niêm yết	1.000.000	103.334.000.000	103.338.000.000	4.000.000	-	-
Tổng cộng					145.083.880	162.806.065	

20.2. Chính Lịch Đánh Giá Lại Các Tài Sản Tài Chính

STT	Tài sản chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị tái trọng hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2017	Chính lịch đánh giá giảm trong năm	Chính lịch đánh giá giảm trong năm, từ ngày 31/12/2016 (*)
1	Cổ phiếu niêm yết	424.307.283.649	418.244.824.185	62.004.424.726	136.179.341.791
1	Cổ phiếu niêm yết	271.060.469.640	266.863.564.280	10.246.901.340	136.411.611.771
	Công ty cổ phần Công nghiệp Tân phong	990.000.000	694.652.600	604.228.600	-
	Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	72.889.255.800	57.997.975.350	14.891.280.040	1.359.271.430
	Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	71.000.000.000	67.900.382.400	8.108.816.500	-
	Công ty cổ phần Đầu tư C.E.O	52.923.998.800	52.701.537.600	124.078.300	-
	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Ben	21.773.527.240	19.626.937.000	13.644.570.240	-
	Công ty cổ phần Xây dựng Dân Việt Nam	8.722.999.400	8.124.810.340	8.600.388.070	-
	Công ty cổ phần Kiến Hưng	12.386.432.000	18.727.555.000	6.343.127.000	-
	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	29.499.485.295	40.685.583.950	11.997.898.655	-
	CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	1.107.955.350	1.440.282.000	282.724.350	-
	Tập đoàn CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	1.513.567	1.853.000	339.453	5.400.405.953
	Nhà hàng THACP Quân đội	202.330	238.600	24.370	984.077.050
	Cổ phiếu khác	195.672.849	246.042.640	52.369.791	971.562.208
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	189.276.834.408	181.391.276.905	7.885.558.503	14.671.788.209
	Tổng Công ty Thương Việt Nam - CTCP	80.971.030.000	63.522.600.000	16.671.430.000	3.970.100.000
	Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	305.334.380	119.775.600	125.598.680	44.579.400
	Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thuận Lễ	26.432.440.000	31.239.960.000	4.807.920.000	-
	Công ty TNHH MTV Nước giải khát Sorewat Khánh Hòa	14.922.50.000	15.203.700.000	281.550.000	-
	Công ty Cổ phần nước giải khát Tân Sơn	35.700.000.000	39.750.000.000	4.050.000.000	-
	Cổ phiếu khác	1.668.880.128	1.597.440.305	71.439.823	135.988.809

20.2. Chính Lệnh Đánh Giá Lại Các Tài Sản Tài Chính (Tiếp theo)

STT	Tài sản tài chính	Giá trị mua theo kế toán	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý	Chính lệnh đánh giá lại tại ngày 31/12/2017	Chính lệnh đánh giá lại tại ngày 31/12/2016 (*)
II	Các khoản cho vay và phải thu	458.980.879.933	không áp dụng		
III	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	507.498.767.444	không áp dụng		
1	Cổ phiếu chưa niêm yết	73.496.787.642			
2	Trái phiếu	434.001.980.002			
	Trái phiếu niêm yết	4.001.980.002			
	Trái phiếu chưa niêm yết	430.000.000.000			
	Tổng cộng	1.402.834.710.556		(18.100.459.444)	(42.004.434.725)
					(36.179.361.751)
					(21.921.732.438)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty ghi nhận các tài sản tài chính theo phương pháp giá gốc và trích lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính.

20.3. Cổ Tức Và Tiền Lãi Phát Sinh Từ Các Tài Sản Tài Chính, Phải Thu Và Cho Vay, Tài Sản Tài Chính Sẵn Sàng Để Bán

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	5.238.987.988	1.764.565.874
Cổ phiếu niêm yết	2.106.099.099	624.676.988
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	3.132.888.889	1.139.888.886
Từ tài sản tài chính phải thu và cho vay	59.356.979.663	36.519.559.668
Từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán	36.299.015.210	59.816.055.331
Cổ phiếu không niêm yết	12.472.449.000	5.850.972.000
Trái phiếu niêm yết	376.000.000	375.999.999
Trái phiếu không niêm yết	23.450.566.210	53.589.083.332
Tổng cộng	100.894.982.861	98.100.180.873

21. Doanh Thu Hoạt Động Tài Chính

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.594.888.956	1.887.768.671
Doanh thu khác về đầu tư	412.980	326.415.000
Tổng cộng	1.595.301.936	2.214.183.671

22. Chi Phí Giao Dịch Mua Các Tài Sản Tài Chính Ghi Nhận Thông Qua Lãi/Lỗ

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính	1.945.063.415	4.739.527.924
Tổng cộng	1.945.063.415	4.739.527.924

23. Chi Phí Tài Chính

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Chi phí lãi vay	12.755.046.881	13.665.364.846
Chi phí đầu tư khác	-	228.488.428
Tổng cộng	12.775.046.881	13.893.853.274

24. Chi Phí Quản Lý Công Ty Chứng Khoán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	25.426.437.910	24.573.849.927
Chi phí văn phòng phẩm	598.014.956	634.270.972
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.536.292.815	1.469.307.576
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.959.937.961	3.106.222.625
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.041.710.716	939.102.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.024.930.176	4.144.884.132
Chi phí khác	3.290.062.128	2.845.328.845
Tổng cộng	39.877.386.662	37.712.966.944

25. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp Hiện Hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	133.616.591.927	102.241.890.283
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	(56.981.360.039)	(7.081.196.667)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	40.973.100.482	145.491.315
Thu nhập chịu thuế	117.608.332.370	95.306.184.931
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.521.666.476	19.061.236.986
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.521.666.476	19.061.236.986
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số dư đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL	7.235.872.350	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do tăng chi phí dự phòng suy giảm giá trị tài sản thế chấp	924.616.287	-
Số dư cuối năm	8.160.488.637	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư cuối năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh do chênh lệch đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	8.400.926.945	-
Số dư cuối năm	8.400.926.945	-

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL	(7.235.872.350)	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do tăng chi phí dự phòng suy giảm giá trị tài sản thế chấp	(924.616.287)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh do chênh lệch đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	8.400.926.945	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	240.438.308	-

26. Lãi Cơ Bản Trên Cổ Phiếu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	109.854.487.143	83.180.653.297
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	97.616.236	97.616.236
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.125	852

Điều chỉnh hồi tố

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, công ty thực hiện chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu, số cổ phiếu phát hành tăng lên 7.229.179 cổ phiếu nên lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được điều chỉnh hồi tố như sau:

	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	83.180.653.297	83.180.653.297
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	90.387.057	97.616.236
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	920	852

27. Thuyết Minh Về Các Chỉ Tiêu Ngoài Báo Cáo Tình Hình Tài Chính

27.1. Tiến Gửi Của Nhà Đầu Tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
1. Tiến gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	269.965.025.660	121.548.018.681
1.1 Tiến gửi của nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	269.529.867.079	121.159.461.037
1.2 Tiến gửi của nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	435.158.581	388.557.644
2. Tiến gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	346.572.024.999	52.744.362.453
3. Tiến gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.294.189.134	961.886.157
3.1 Tiến gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	1.225.929.959	867.929.092
3.2 Tiến gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	68.259.175	93.957.065
Tổng cộng	617.831.239.793	175.254.267.291

27.2. Tiến Gửi Của Tổ Chức Phát Hành Chứng Khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiến gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	3.806.197.789	3.118.356.260
Tổng cộng	3.806.197.789	3.118.356.260

27.3. Phải Trả Nhà Đầu Tư

	Số cuối năm	Số cuối năm
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiến gửi của Nhà đầu tư về tiến gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	617.831.239.793	175.254.267.291
1.1 Của Nhà đầu tư trong nước	617.396.082.251	174.835.359.647
1.2 Của Nhà đầu tư nước ngoài	435.157.542	418.907.644
2. Phải trả nhà đầu tư - tiến gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	3.806.197.789	3.118.356.260
2.1 Của Nhà đầu tư trong nước	3.806.197.789	3.118.356.260
Tổng cộng	621.637.437.582	178.372.623.551

28. Nghiệp Vụ Và Số Dư Với Các Bên Liên Quan

Danh sách bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư chủ yếu với Công ty trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng mẹ

Trong năm 2017, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Doanh thu từ lãi tiền gửi	1.648.162.659	3.004.555.198
Doanh thu từ phí tư vấn phát hành	-	7.070.000.000
Doanh thu khác	-	3.858.383.606
Doanh thu từ chuyển nhượng trái phiếu	88.863.636	10.000.000
Phí tư vấn và lưu ký	517.716.005	2.900.000.000
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	54.696.880.000	50.645.260.000
Chi phí hoa hồng môi giới và hợp tác kinh doanh	6.962.664.622	4.677.968.755
Phí chuyển tiền	28.403.192	-
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Doanh thu chuyển nhượng cổ phiếu chưa niêm yết	150.000.000	-
Phí ủy thác quản lý vốn	-	105.236.112
Doanh thu từ ủy thác quản lý doanh mục trái phiếu	-	140.472.224
Doanh thu chuyển nhượng trái phiếu lưu ký	60.117.858	3.283.684.900
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Phí bảo hiểm	487.789.950	445.602.200
Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	-	2.052.847.222
Mua hàng	235.108.500	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Doanh thu từ lãi tiền gửi	-	320.333.333
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc được trả trong năm như sau:		
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị và lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	4.790.690.958	4.162.945.112

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
Số dư các khoản tiền gửi thanh toán	9.462.795.377	136.169.531.240
Số dư các khoản tiền gửi của nhà đầu tư	618.917.773.700	176.688.109.213
Số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn	-	50.000.000.000
Phải thu phí lưu ký	998.399.429	422.139.208
Các khoản phải thu (lãi tiền gửi, phải thu khác)	-	11.944.444
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	603.372.209	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	393.052.095	12.802.527
Các khoản phải trả	797.922.216	797.922.216
Doanh thu chưa thực hiện	591.529.258	2.447.354.806

29. Báo Cáo Bộ Phận

Chi tiêu	Mọi giải chứng khoán	Đầu tư vào công cụ tài chính	Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành	Hoạt động lưu ký	Hoạt động đầu tư khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm nay						
1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	40.572.565.926	186.229.632.946	35.557.657.688	24.566.311.041	314.048.049	286.830.015.670
2. Doanh thu không phân bổ						2.298.795.621
3. Các chi phí trực tiếp	27.523.582.099	66.459.513.396	8.253.561.683	18.793.665.716	-	101.020.102.892
4. Khấu hao và chi phí phân bổ	5.897.435.953	27.049.457.100	5.168.463.580	3.511.246.922	45.648.539	41.692.252.094
5. Chi phí không phân bổ						12.799.864.178
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	7.140.562.816	112.700.662.650	22.336.632.625	1.851.838.405	248.399.510	133.606.991.927
Số cuối năm						
1. Tài sản bộ phận trực tiếp	17.749.567.534	1.711.861.015.708	5.365.701.457	1.047.227.795	270.370.925	1.736.313.883.419
2. Tài sản phân bổ	14.406.881.863	66.128.140.037	12.626.070.858	8.577.666.286	111.515.092	101.850.254.135
3. Tài sản không phân bổ						89.039.969
Tổng tài sản	32.156.449.397	1.778.989.155.745	17.991.772.315	9.624.894.081	381.886.017	1.838.253.177.523
1. Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	1.937.308.037	606.133.178.215	23.174.492.055	3.417.424.072	-	634.662.402.379
2. Nợ phải trả phân bổ	4.035.756.903	18.524.187.095	3.536.886.093	2.402.818.596	31.238.236	28.530.866.923
3. Nợ phải trả không phân bổ						4.186.473.392
Tổng nợ phải trả	5.973.064.940	624.657.365.310	26.711.378.148	5.820.242.668	31.238.236	667.179.762.694

Để phục vụ mục đích quản lý, hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành các bộ phận: Mọi giải chứng khoán, Đầu tư vào công cụ tài chính, Hoạt động tư vấn, đại lý phát hành, Hoạt động lưu ký, Hoạt động đầu tư khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh này.

Doanh thu bộ phận: Là doanh thu tính bày trong Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty được tính trực tiếp hoặc phân bổ cho bộ phận, bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài.

Chi phí bộ phận: Là chi phí phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của bộ phận được tính trực tiếp cho bộ phận đó và phần chi phí của Công ty được phân bổ cho bộ phận đó, bao gồm cả chi phí bán hàng ra bên ngoài và chi phí có liên quan đến những giao dịch với bộ phận khác của Công ty.

Tài sản của bộ phận: Là tài sản đang được bộ phận đó sử dụng trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và được tính trực tiếp hoặc được phân bổ vào bộ phận đó.

Các khoản nợ phải trả bộ phận: Là các khoản nợ trong kinh doanh của bộ phận được tính trực tiếp hoặc phân bổ vào bộ phận đó.

Cách thức phân bổ tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí cho các bộ phận phụ thuộc vào tính chất của khoản mục hay hoạt động do bộ phận đó tiến hành và quyền tự chủ của bộ phận đó. Công ty đang phân bổ tài sản, nợ phải trả, chi phí chung theo tỷ lệ doanh thu bộ phận trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty.

Đào Thị Yến
Người lập

Nguyễn Tú Anh
Trưởng phòng Kế toán tài chính



Phạm Phan Đức
Tổng Giám Đốc



HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI ĐỊA BÀN KINH DOANH:

Trụ sở chính:

306 Bà Triệu, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: 024.3974 1771
Fax: 024.3974 1760

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

49 Tôn Thất Dạm, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 024.39741771
Fax: 028.6358 4788

Chi nhánh Đà Nẵng:

Tầng 8, số 36 Trần Quốc Toản, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: 024.39741771
Fax: 023.6358 4788